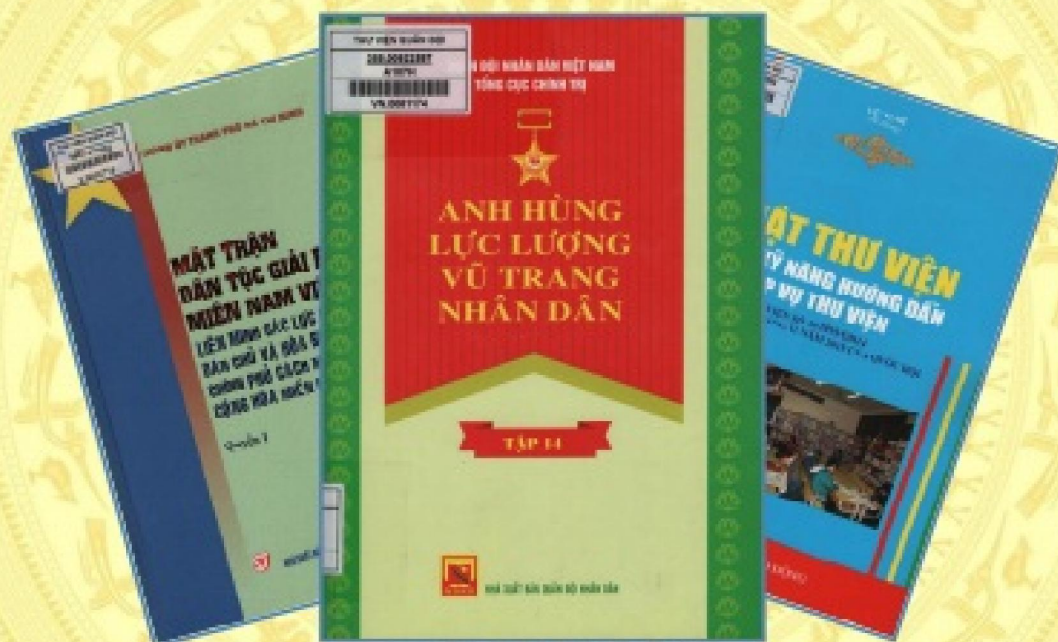




TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI



THƯ MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

SỐ $\frac{5}{2020}$

Chỉ đạo nội dung:
Đại tá, Thạc sỹ Trần Thị Bích Huệ

Biên tập:
Trung tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:
Thiếu tá CN, Cử nhân Nguyễn Thị Thu Hà
Thượng úy CN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:
Thiếu tá CN, Kỹ sư Trần Mạnh Hà

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 5 - 2020.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 5/2020 giới thiệu 439 tài liệu, bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 06 tài liệu
- Triết học và tâm lý học: 08 tài liệu
- Khoa học xã hội: 252 tài liệu
- Ngôn ngữ: 08 tài liệu
- Khoa học tự nhiên và toán học: 08 tài liệu
- Công nghệ: 37 tài liệu
- Nghệ thuật và giải trí: 02 tài liệu
- Văn học: 86 tài liệu
- Lịch sử và địa lý: 32 tài liệu

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI
83 Lý Nam Đế - Cửa Đông - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 069.554556
Email: Thuvienquandoi@mail.bqp
Thuvienquandoi@gmail.com (Internet)

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. *Bình luận ngắn - Lý thuyết, kỹ năng và thực tiễn*/ Nguyễn Tri Thức. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 159tr.; 21cm.

070.442 B312L/M.174054 - M.174055 - M.174056; MP.0034800 - MP.0034801

004 - Khoa học máy tính

002. *Giáo trình công nghệ thông tin*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ Nguyễn Khánh Phương chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 151tr.; 27cm.

004.0711 Gi-108T/LCV.0001952 - LCV.0001953; M.174167 - M.174168 - M.174169; V.0017390 - V.0017391

003. *Những đế chế công nghệ*: Điều gì tạo nên vị trí bá chủ của bộ tứ quyền lực trong ngành IT thế giới/ Kokubo Shigenobu; Hương Linh dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 231tr.; 21cm.

004 Nh556Đ/M.175039 - M.175040 - M.175041; MP.0035352

006 - Phương pháp máy tính

004. *Năm 2062 - Thời đại của trí thông minh nhân tạo*/ Toby Walsh; Đỗ Tôn Minh Khoa dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 263tr.; 24cm.

006.3 N114H/M.174870 - M.174871 - M.174872; MP.0035253

025 - Hoạt động của thư viện, cơ quan lưu trữ, trung tâm thông tin

005. *Dịch vụ thông tin thư viện trong xã hội hiện đại*: Kỷ yếu hội thảo.; - H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2017. - 388tr.; 30cm.

025.5 D302V/T.0024308

006. *Xây dựng mô hình thư viện cơ sở phục vụ nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay*/ Vũ Dương Thúy Nga. - H.: Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch, 2018. - 133tr.; 30cm.

027.4597 X126Đ/T.0024304

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

150 – Tâm lý học

153 - Quá trình thần kinh có ý thức và trí thông minh

007. *Biết hỏi mới là giỏi*: 5 câu hỏi đơn giản thay đổi cuộc đời/ James E. Ryan; Tú Hà dịch. - H.: Công thương, 2018. - 147tr.; 21cm.

153.42 B308H/M.174672 - M.174673 - M.174674; MP.0035091 - MP.0035092

008. *Độc vị bất kỳ ai*: Để không bị lừa dối và lợi dụng/ *David J. Lieberman; Quỳnh Lê dịch.* - Tái bản lần 26. - H.: Lao động, 2018. - 223tr.; 21cm.

153.6 Đ419V/M.174681 - M.174682 - M.174683; MP.0035097 - MP.0035098

009. *Giao tiếp bất kỳ ai*: 101 cách nâng cao kỹ năng giao tiếp/ *Jo Condrill, Bennie Bough; Bạch Trà dịch.* - Tái bản lần 11. - H.: Lao động, 2019. - 130tr.; 21cm.

153.6 Gi-108T/M.174675 - M.174676 - M.174677; MP.0035093 - MP.0035094

158 - Tâm lý học ứng dụng

010. *Giáo trình tâm lý học trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lãnh đạo, quản lý*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Bùi Mạnh Hải chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 203tr.; 27cm.

158.70711 Gi-108T/M.174152 - M.174153 - M.174154; V.0017372 - V.0017373

011. *Học từ thất bại*: Những bài học vĩ đại nhất trong cuộc đời đều đến từ thất bại/ *John C. Maxwell; Minh Thư dịch.* - Tái bản lần 4. - H.: Lao động, 2018. - 264tr.; 21cm.

158 H419T/M.174651 - M.174652 - M.174653; MP.0035078 - MP.0035079

012. *Khi bạn đang mơ thì người khác đang nỗ lực*: Cuốn sách dành tặng các bạn trẻ đang ấp ủ bao ước mơ và hoài bão/ *Vĩ Nhân; Hân Ngọc dịch.* - Tái bản lần 3. - H.: Văn học, 2020. - 415tr.; 21cm.

158.1 Kh300B/M.175235 - M.175236; MP.0035477 - MP.0035478

181 - Triết học phương Đông

013. *Hàn Phi Tử/ Hàn Phi*; Phan Ngọc dịch. - H.: Đà Nẵng, 2020. - 430tr.; 24cm.

181.11 H105P/M.175023 - M.175024; V.0017585 - V.0017586

190 - Triết học phương Tây và phương Đông

014. *Giáo trình triết học phương Tây hiện đại/ Đồng chủ biên: Đình Ngọc Thạch, Doãn Chính, Trần Quang Thái.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 519tr.; 24cm.

190.711 Gi-108T/M.174852 - M.174853 - M.174854; MP.0035249

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

015. *Đối thoại trong năm.* - H.: Văn học, 2020. - 266tr.; 21cm.

**303.4 Đ452T/M.175288 - M.175289; MP.0035527 - MP.0035528;
VN.0081093 - VN.0081094**

016. *Hành vi tập thể và tổ chức xã hội: nghiên cứu xã hội học về thảm họa*/ Nguyễn Danh Sơn. - H. 2017. - 138tr.; 30cm.

307.72 H107V/T.0024189

017. *Lý thuyết "thiết chế giới" và phụ nữ trong lãnh đạo chính trị: trường hợp của Việt Nam*/ Đặng Thị Ánh Tuyết. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 278tr.; cm

305.4 L600T/T.0024200

018. *Sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc- Tác động tới Việt Nam và một số nước Đông Á*/ Nguyễn Thị Thu Phương. - H.: Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2014. - 239tr.; 30cm.

306.951 S552M/T.0024195

019. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển xã hội*/ Đồng chủ biên: Lê Thị Hằng, Nguyễn Thị Kim Dung. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2020. - 176tr.; 21cm.

303.44 T550T/M.175355 - M.175356 - M.175357; MP.0035574;

VN.0081139 - VN.0081140

020. *Xã hội tiểu nông ở Việt Nam: Diện mạo và xu hướng*/ Vũ Mạnh Lợi. - H.: Đại học Quốc gia, 2016. - 162tr.; 30cm.

305.563309597 X100H/T.0024186

320 - Khoa học chính trị

021. *Công cuộc hiện đại hóa thứ 5 thời Tập Cận Bình tác động tới cuộc chiến tranh thương mại với Mỹ ra sao*/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 96tr.; 30cm.

320.0951 C455C/T.0024264

022. *Cơ chế tác động và những ảnh hưởng của nhóm lợi ích kinh tế đến quá trình hoạch định chính sách công ở Việt Nam hiện nay*/ Trịnh Thị Xuyên. - H.: Chính trị Quốc gia. - 166tr.; 30cm.

320.609597 C460C/T.0024179

023. *Cuộc khủng hoảng và tương lai nào cho Hong Kong?*/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 109tr.; 30cm.

320.095125 C514K/T.0024239

024. *Đại chiến lược của Trung Quốc trong tình hình mới*/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 80tr.; 30cm.

320.0951 Đ103C/T.0024294

025. *Giải quyết các tranh chấp trên biển Đông: Những cách tiếp cận của Việt Nam/ Nguyễn Như Huyền.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 72tr.; 30cm.

320.15 Gi-103Q/T.0024267

026. *Giáo trình giáo dục chính trị: Dành đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở/ Nguyễn Đức Thịnh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 208tr.; 27cm.

T.1

320.0711 Gi-108T/LCV.0002221 - LCV.0002222; MP.0031560 - MP.0031561; V.0016399 - V.0016400

T.2 . - 152tr.

320.0711 Gi-108T/LCV.0002215 - LCV.0002216; MP.0031558 - MP.0031559; V.0016397 - V.0016398

027. *Giáo trình nhà nước và pháp luật: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ Trịnh Văn Hưng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 112tr.; 27cm.

T.1

320.10711 Gi-108T/M.174164 - M.174165 - M.174166; V.0017388 - V.0017389

028. *Giáo trình nhà nước và pháp luật: Dành đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 256tr.; 27cm.

T.1

320.10711 Gi-108T/LCV.0002217 - LCV.0002218; MP.0031542 - MP.0031543; V.0016381 - V.0016382

T.2. - 200tr.

320.10711 Gi-108T/LCV.0002223 - LCV.0002224; MP.0031540 - MP.0031541; V.0016379 - V.0016380

029. *Kết thúc và mở đầu một thế kỉ mới của Trung Quốc: bài học và tác động tới các nước/ Đoàn Huy Khoa.* H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, - 2019. - 94tr.; 30cm.

320.0951 K258T/T.0024299

030. *Nhận diện về “cách mạng màu” và cách mạng màu ở Hồng Kông diễn ra như thế nào/ Hoàng Kim Trường.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 73tr.; 30cm

320.5 Nh121D/T.0024252

031. *Nhận định về xu hướng chính trị Nhật Bản và quan hệ với Việt Nam/ Đặng Trọng Anh.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 70tr.; 30cm.

320.0952 Nh121Đ/T.0024277

032. Nước Nga năm 2020 và triển vọng tương lai/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 71tr.; 30cm.

320.0947 N557N/T.0024298

033. Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam trong tình hình mới: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Bá Dương chủ biên.* - Tái bản lần 1, có sửa chữa. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 224tr.; 21cm.

320.4597 Ph431C/LC.0015119

034. Phòng, chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Bá Dương chủ biên.* - Tái bản lần 1, có sửa chữa. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 212tr.; 21cm.

320.4597 Ph431C/LC.0015120

035. Phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" ở Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Bá Dương chủ biên.* - Tái bản lần 1, có sửa chữa. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 248tr.; 21cm.

320.4597 Ph431C/LC.0015121

036. Sổ tay công tác tuyên truyền biển, đảo Việt Nam: Sách chào mừng 90 năm ngày truyền thống ngành tuyên giáo của Đảng/ *Biên soạn: Tạ Đình Thi, Trần Công Trực, Đỗ Phương Thảo....* - H.: Chính trị quốc gia sự thật, 2019. - 147tr.; 21cm.

320.109597 S450T/VN.0081143

037. Tài nguyên, môi trường và chủ quyền biển, đảo Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Chu Hồi chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2020. - 436tr.; 24cm.

320.1509597 T103N/M.175338 - M.175339 - M.175340; MP.0035569; V.0017627 - V.0017628

038. Thế giới năm 2020 triển vọng và thách thức/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 91tr.; 30cm.

320 Th250G/T.0024301

039. Tình hình thế giới năm 2019 và dự báo năm 2020/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 99tr.; 30cm.

320 T312H/T.0024281

040. Tư tưởng chính trị của C.Mác, Ph.Ăngghen, V. I. Lênin và Hồ Chí Minh: Sách chuyên khảo/ *Lê Minh Quân.* - Xuất bản lần 3 có chỉnh lý, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 326tr.; 21cm.

320.5322 T550T/M.174072 - M.174073 - M.174074; MP.0034808 - MP.0034809; VN.0080857 - VN.0080858

041. 2020: Châu Á bước vào thập kỷ nguy hiểm nhất/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 74tr.; 30cm.

321 - Chính quyền và nhà nước

042. Nghiên cứu so sánh cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của nhà nước Nhật Bản và Hàn Quốc: những gợi ý cho Việt Nam/ Hồ Việt Hạnh. - H.: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2016. - 278tr.; 30cm.

321

Ngh305C/T.0024175

324 - Quá trình chính trị

043. Giáo trình công tác đảng, công tác chính trị: Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Văn Tượng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018.; 27cm.

T.1: Lý luận, nguyên tắc chung - 295tr.

T.2: Công tác tư tưởng - 183tr.

324.2597075 Gi-108T/M.174162 - M.174163; V.0017384 - V.0017385; M.174160 - M.174161; V.0017382 - V.0017383

044. Giáo trình công tác đảng, công tác chính trị: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Lê Văn Quang chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 251tr.; 27cm.

324.25970750711 Gi-108T/LCV.0002193; M.174155 - M.174156, M.174817; V.0017376 - V.0017377

045. Giáo trình những vấn đề cơ bản về Đảng cộng sản và lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 244tr.; 27cm.

324.25970750711 Gi-108T/LCV.0002194 - LCV.0002195; M.174796 - M.174797 - M.174798; MP.0035212 - MP.0035213

046. Giáo trình những vấn đề cơ bản về Đảng cộng sản và lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Trịnh Văn Tuấn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 312tr.; 27cm.

324.25970750711 Gi-108T/LCV.0001957 - LCV.0001958; M.174489 - M.174490 - M.174491; MP.0034977 - MP.0034978

047. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác báo chí và truyền thông trong tình hình mới. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2018. - 187tr.; 21cm.

324.2597075 T116C/.0079559 - .0079560; M.174592 - M.174593; VN.0081003 - VN.0081004

048. Về cán bộ và công tác cán bộ trong thời kỳ đổi mới (Trích văn kiện Đảng). - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2018. - 755tr.; 24cm.

324.2597075 V250C/M.170864, M.174046 - M.174047; MP.0034795 - MP.0034796; V.0016753 - V.0016754

049. Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1945 - 1954): Sách chuyên khảo/
Đoàn Thị Hương. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 248tr.; 21cm.
324.2597075 X550U/M.174878 - M.174879 - M.174880; MP.0035255;
VN.0080727 - VN.0080728

327 - Quan hệ quốc tế

050. Bầu cử Mỹ: Dự báo về Donald Trump năm 2020/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung
tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 79tr.; 30cm.
327.973 B125C/T.0024260

051. Biển Đông: những động thái của Trung Quốc và sự hiện diện của Mỹ/ Nguyễn
Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 70tr.; 30cm.
327 B305Đ/T.0024253

052. Biển Đông: thách thức quân sự lớn của Nga và Trung Quốc đối với Mỹ/ Đinh Công
Huân. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 79tr.; 30cm.
327 B305Đ/T.0024284

053. Cạnh tranh giữa Mỹ- Trung Quốc về vấn đề biển Đông/ Đặng Trọng Anh. - H.:
Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 82tr.; 30cm.
327.73051 C107T/T.0024256

054. Căng thẳng biển Đông: không có dấu hiệu hạ nhiệt trong năm 2020/ Nguyễn Như
Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 85tr.; 30cm.
327 C116T/T.0024282

055. Căng thẳng Mỹ - Iran thời gian gần đây/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông
tin Khoa Quân sự, 2019. - 84tr.; 30cm.
327.73055 C116T/T.0024205

056. Chiến lược châu Á mới của liên minh châu Âu và vai trò của ASEAN trong chiến
lược đó/ Nguyễn Thị Thu Hà. - H.: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2018. -
43tr.; 30cm.
327.4 Ch305L/T.0024184

057. Chiến lược của Mỹ: trong kỷ nguyên cạnh tranh các nước lớn/ Hoàng Kim Trường.
- H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 63tr.; 30cm.
327.73 Ch305L/T.0024297

058. Chiến lược quân sự mới của Mỹ và chính sách của Trung Quốc/ Dương Quốc
Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 101tr.; 30cm.
327.73051 Ch305L/T.0024244

059. Chiến lược với các nước láng giềng của Trung Quốc và sự ảnh hưởng tới các nước/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 143tr.; 30cm.

327.51 Ch305L/T.0024296

060. Chính sách của Nga đối với bán đảo Triều Tiên và hợp tác Nga - Triều Tiên/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 73tr.; 30cm.

327.470519 Ch312S/T.0024208

061. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau Nội chiến đến kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1865 - 1918)/ Dương Quang Hiệp. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 275tr.; 21cm.

327.73 Ch312S/M.174063 - M.174064 - M.174065; MP.0034805; VN.0080851 - VN.0080852

062. Chính sách đối ngoại của Mỹ trong quan hệ với các nước và Việt Nam/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 79tr.; 30cm.

327.73 Ch312S/T.0024229

063. Chính sách ngoại giao Nga năm 2020/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự. - 77tr.; 30cm.

327.47 Ch312S/T.0024275

064. Chương trình hội thảo chủ quyền quốc gia trong tiến trình hội nhập khu vực liên minh châu Âu: Brexit và tác động đến Việt Nam. - H. 2018. - 189tr.; 30cm.

327 Ch561T/T.0024180

065. Cộng đồng ASEAN sau 15 năm và sự tham gia của Việt Nam/ Nguyễn Văn Hà. - H.: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2016. - 158tr.; 30cm.

327.59 C455Đ/T.0024187

066. Cơ sở địa chiến lược trong hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2015-2030. - H.: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam, 2015. - 219tr.; 30cm.

327.597 C460S/T.0024169

067. Điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ trong bối cảnh quốc tế mới/ Nguyễn Thiết Sơn. - H.: Khoa học Xã hội, 2016. - 210tr.; 30cm.

327.73 Đ309C/T.0024194

068. Đối ngoại công chúng: Mô hình hoạt động của một số nước lớn trên thế giới và đề xuất đối với Việt Nam/ Phạm Minh Sơn. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2016. - 358tr.; 30cm.

327.2 Đ452N/T.0024176

069. Đối sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á về các vấn đề chính trị

và an ninh nổi bật của khu vực giai đoạn 2011-2020/ Đặng Xuân Thanh. - H.: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2012. - 171tr.; 30cm.

327 Đ452S/T.0024173

070. Giáo trình vũ khí hủy diệt lớn: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Ngọc Đông chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 124tr.; 27cm.*

T.1

327.17450711 Gi-108T/MP.0035194 - MP.0035195; V.0017520 - V.0017521

071. Hệ thống chỉ huy điều khiển hạt nhân của Mỹ và vấn đề hạt nhân Triều Tiên - Mỹ/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 77tr.; 30cm.

327.73095193 H250T/T.0024225

072. Hồ Chí Minh với những bức thư mong muốn hòa bình cho Việt Nam. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2020. - 248tr.; 21cm.

**327.172 H450C/M.175361 - M.175362 - M.175363; MP.0035575;
VN.0081145 - VN.0081146**

073. Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á và tác động của chúng đối với khu vực và Việt Nam thời kỳ hậu chiến tranh lạnh (Giai đoạn từ 1991-2010)/ Trần Khánh. - H.: Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 2014. - 275tr.; 30cm.

327.73051 H466T/T.0024168

074. Kỷ yếu hội thảo Dự báo một số vấn đề về tình hình thế giới năm 2015 và những tác động đối với Việt Nam. - H.: Bộ Công an, 2015. - 290tr.; 30cm.

327 K600Y/T.0024197

075. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Cộng đồng ASEAN sau một năm thành lập. - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016. - 161tr.; 30cm.

327.59 K600Y/T.0024178

076. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Thực trạng và triển vọng mô hình quản lý dựa vào cộng đồng ở Việt Nam và Campuchia. - H.: Đại học Kinh tế Quốc dân, 2016. - 516tr.; 30cm.

327.5970596 K600Y/T.0024193

077. Kỷ yếu hội thảo quốc gia kỷ niệm 40 năm ngày ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào 18/7/1977 - 18/7/2017. - H.: Trường Đại học Tây Bắc, 2017. - 393tr.; 30cm

327.5970594 K600Y/T.0024164

078. Môi trường chiến lược Đông Á: cạnh tranh và ảnh hưởng/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 88tr.; 30cm.

327 M452T/T.0024302

079. Một số định hướng chính sách ngoại giao mới của Trung Quốc năm 2019/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 87tr.; 30cm.

327.51 M458S/T.0024222

080. Một số vấn đề về trật tự thế giới hiện nay/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 82tr.; 30cm.

327 M458S/T.0024251

081. Năm trụ cột của đại chiến lược trong chính sách ngoại giao của Mỹ/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 72tr.; 30cm.

327.73 N114T/T.0024206

082. Nga - Mĩ trước thêm cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân mới/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 66tr.; 30cm.

327.47073 N000M/T.0024261

083. Nga - Trung Quốc nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 67tr.; 30cm.

327.47051 N000T/T.0024210

084. Nghiên cứu so sánh các mô hình liên kết kinh nghiệm cho ASEAN/ Nguyễn An Hà. - H.: Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 2016. - 189tr.; 30cm.

327.59 Ngh305C/T.0024188

085. Ngoại giao với các nước lớn của Trung Quốc và tư tưởng ngoại giao Tập Cận Bình/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 114tr.; 30cm.

327.51 Ng404G/T.0024238

086. Ảnh hưởng chính trị, quân sự của Nga đối với Việt Nam/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 67tr.; 30cm.

327.470597 A107H/T.0024266

087. Nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh quốc gia: Sách tham khảo/ Đinh Thị Hiền Lương biên soạn. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 275tr.; 21cm.

327.51 Nh121T/M.174069 - M.174070 - M.174071; MP.0034806 - MP.0034807; VN.0080855 - VN.0080856

088. Nhân tố quyết định và xu hướng phát triển của chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 87tr.; 30cm.

327 Nh121T/T.0024227

089. Nhìn lại chính sách ngoại giao Trung Quốc năm 2019 và hướng tới nhiệm vụ năm

2020/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 74tr.; 30cm.

327.51 Nh311L/T.0024279

090. Những chính sách nào sau xung đột kinh tế Mỹ - Trung: Tạm ngừng gây chiến/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 106tr.; 30cm.

327.51073 Nh556C/T.0024207

091. Những đổi sách trong chính sách đối ngoại Trung Quốc/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 99tr.; 30cm.

327.51 Nh556Đ/T.0024293

092. Những thay đổi cơ bản trong quan hệ Mỹ - Trung/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 91tr.; 30cm.

327.73051 Nh556T/T.0024303

093. Những xu hướng và tác động mới trong tam giác quan hệ Mỹ - Nga - Trung Quốc/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 91tr.; 30cm.

327 Nh556X/T.0024269

094. Nước Nga đã giành được chiến thắng ra sao ở Xyri và sự ảnh hưởng đến các nước ở Trung Đông/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 70tr.; 30cm.

327.47 N557N/T.0024226

095. Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào: Kỷ niệm 55 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (05/9/1962 - 05/9/2017). - H.: Thông tấn, 2017. - 271tr.; 25cm.

327.5970594 Qu105H/M.174579

096. Quan hệ đối tác chiến lược Nga - Trung Quốc và chương trình tên lửa hạt nhân của Triều Tiên/ Đoàn Huy Khoa. H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, - 2019. - 69tr.; 30cm.

327.47073 Qu105H/T.0024268

097. Quan hệ Mỹ - Trung: Từ kinh tế đến quân sự năm 2019/ Nguyễn Đức Dục. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 65tr.; 30cm.

327.73051 Qu105H/T.0024230

098. Quan hệ Trung - Mỹ và mâu thuẫn kinh tế trong thời gian qua/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 84tr.; 30cm.

327.51073 Qu105H/T.0024295

099. Quan hệ Việt Nam - Lào trong những năm qua/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 84tr.; 30cm.

327.5970597 Qu105H/T.0024289

100. Sự can dự của Mỹ ở Đông Nam Á và ảnh hưởng đến Việt Nam như thế nào?/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 75tr.; 30cm.
327.73059 S550C/T.0024283

101. Sự cân bằng chiến lược của Nhật Bản ở Đông Nam Á/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 81tr.; 30cm.
327.52 S550C/T.0024262

102. Sự chuyển hướng đối ngoại của Mỹ với Đông Nam Á và những thử thách lớn nhất của Việt Nam trong nhiệm kỳ chủ tịch ASEAN 2020/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 76tr.; 30cm.
327.73059 S550C/T.0024259

103. Sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ đối với Trung Quốc và sự ảnh hưởng đến các nước trên thế giới/ Đoàn Huy Khoa. -H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019; - 97tr.; 30cm.
327.73051 S550D/T.0024234

104. Tình hình thế giới năm 2018: Đánh giá của học giả quốc tế. - H.: Học viện ngoại giao, 2018. - 167tr.; 30cm.
327 T312H/T.0024185

105. Trung Quốc đã xây dựng ảnh hưởng với các nước ở Châu Á như thế nào?/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 70tr.; 30cm.
327.5105 Tr513Q/T.0024276

106. Vận dụng phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay/ Nguyễn Thị Minh Thùy. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 243tr.; 21cm.
327.597 V121D/M.174081 - M.174082 - M.174083; MP.0034813 - MP.0034814; VN.0080863 - VN.0080864

107. Vấn đề biển Đông và bài toán với các nước/ Nguyễn Đức Dục. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 60tr.; 30cm.
327 V121D/T.0024248

108. Vấn đề hạt nhân ở Iran và mâu thuẫn gia tăng giữa Mỹ- Iran/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 104 tr.; 30cm.
327.17470955 V121D/T.0024290

109. Vấn đề phi hạt nhân hóa trên bán đảo Triều Tiên là gì?/ Nguyễn Kim Bằng. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 86tr.; 30cm.
327.1747 V121D/T.0024203

110. Việt Nam - Hàn Quốc 25 năm hợp tác, phát triển (1992 - 2017) và triển vọng đến năm 2022/ Nguyễn Văn Lan chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 222tr.; 21cm.
327.59705195 V308N/M.174087 - M.174088 - M.174089; MP.0034817 - MP.0034818; VN.0080867 - VN.0080868

111. Vũ khí lợi hại nhất của Trung Quốc trong cuộc chiến kinh tế với Mỹ là gì?/ Đinh Công Huân. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 69tr.; 30cm.
327.51073 V500K/T.0024211

112. Xây dựng xã hội phát triển bền vững hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong đảm bảo phát triển bền vững. - H.: Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 2016. - 395tr.; 30cm.
327.597052 X126D/T.0024196

113. Xu hướng chính sách đối ngoại In-đô-nê-xi-a đến 2020/ Khổng Thị Bình. - H.: Học viện Ngoại giao, 2015. - 148tr.; 30cm.
327.598 X500H/T.0024190

114. Xu hướng phát triển sức mạnh tổng hợp và chính sách đối với châu Á - Thái Bình Dương của Ấn Độ từ nay đến 2030/ Đặng Cẩm Tú. - H.: Học viện Ngoại giao, 2014. - 182tr.; 30cm.
327.54 X500H/T.0024191

115. Xu hướng tranh chấp biển Đông và lựa chọn chính sách của Trung Quốc/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 77tr.; 30cm.
327 X500H/T.0024236

116. Xung quanh chiến lược an ninh vùng Vịnh/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 95tr.; 30cm.
327 X513Q/T.0024270

330 - Kinh tế học

117. Báo cáo sơ bộ kết quả tổng điều tra kinh tế năm 2017. - H.: Thống kê, 2018. - 96tr.; 27cm.
330.9597 B108C/M.174573

118. Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại tiếp cận theo mục tiêu phát triển đất nước: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia. - H.: Trường Đại học Kinh tế quốc dân, 2018. - 253tr.; 30cm.
330.09597 H250T/T.0024314

119. Kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017. - H.: Thống kê, 2018. - 365tr.; 27cm.
330.9597 K258Q/M.174574

120. *Kinh tế toàn cầu năm 2020 ra sao với tác động của các nước lớn/ Đoàn Huy Khoa.*
- H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 95tr.; 30cm.

330 K312T/T.0024287

121. *Kinh tế Việt Nam 2019: Sách tham khảo.* - H.: 2019. - 296tr.; 24cm.

**330.09597 K312T/M.174580 - M.174581 - M.174582; MP.0035045;
V.0017478 - V.0017479**

122. *Kỷ yếu diễn đàn hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam 2018: Hội nhập kinh tế quốc tế trong tình hình mới, thiết thực và hiệu quả.* - H.: Ban chỉ đạo liên ngành Hội nhập quốc tế về kinh tế, 2018. - 418tr.; 30cm.

330.09597 K600Y/T.0024183

123. *Quan hệ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay/ Đặng Thị Lan.* - H.: Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 2016. - 342tr.; 30cm.

330.09597 Qu105H/T.0024181

124. *Quân đội và kinh tế của Anh sẽ ra sao sau khi rút khỏi EU.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - tr.; 30cm.

330.0942 Qu121Đ/T.0024245

125. *Sự phát triển nền kinh tế Trung Quốc và sự ảnh hưởng tới các nước và Việt Nam/ Nguyễn Như Huyền.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 100tr.; 30cm.

330.051 S550P/T.0024232

126. *Thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam so với các nước trong khu vực.* - H.: Thống kê, 2018. - 116tr.; 27cm.

330.9597 Th552T/M.174575 - M.174576 - M.174577; MP.0035044

331 - Kinh tế học lao động

127. *Các lựa chọn trong đầu tư vốn con người/ Bùi Chí Bình.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 223tr.; 24cm.

331.11 C101L/M.175551 - M.175552; V.0017643 - V.0017644

128. *Các quan điểm lý thuyết về hòa nhập xã hội và hòa nhập xã hội của nhóm lao động nghèo nhập cư vào các đô thị nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước/ Phạm Văn Quyết.* - H.: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2016. - 194tr.; 30cm.

331.09597 C101Q/T.0024177

332 - Kinh tế học tài chính

129. Hoàn thiện thể chế để phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam minh bạch, hiệu quả, bền vững/ Đồng chủ biên: Nguyễn Đức Kiên, Phan Hồng Mai. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 374tr.; 21cm.

332.109597 H406T/M.174075 - M.174076 - M.174077; MP.0034810; VN.0080859 - VN.0080860

333 - Kinh tế đất và năng lượng

130. Quản lý tài nguyên môi trường để phát triển bền vững/ Lê Huy Bá chủ biên. - Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 726tr.; 24cm.

333.709597 Qu105L/M.174583 - M.174584 - M.174585; MP.0035046 - MP.0035047

131. Tài liệu tham khảo về chiến lược phát triển kinh tế biển/ Biên soạn: Nguyễn Chu Hồi, Bùi Tất Thắng, Nguyễn Huy Hoàng. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2019. - 139tr.; 21cm.

333.916409597 T103L/VN.0081144

335 - Chủ nghĩa xã hội

132. Cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V. I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội và ý nghĩa đối với xây dựng Đảng hiện nay/ Phạm Văn Phong. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 278tr.; 21cm.

335.43 C514Đ/M.174078 - M.174079 - M.174080; MP.0034811 - MP.0034812; VN.0080861 - VN.0080862

133. Đi tới mùa xuân tư tưởng Hồ Chí Minh/ Nguyễn Văn Khoan. - H.: Dân trí, 2020. - 199tr.; 19cm.. - (50 năm thực hiện di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019))

335.4346 Đ300T/M.174960 - M.174961; MP.0035306; VN.0081034 - VN.0081035

134. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ Trần Đức Luân chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 203tr.; 27cm.

335.4230711 Gi-108T/LCV.0001907 - LCV.0001908; M.174790 - M.174791 - M.174792; MP.0035198 - MP.0035199

135. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ Trần Đức Luân chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 95tr.; 27cm.

335.4230711 Gi-108T/M.174157 - M.174158 - M.174159; V.0017380 - V.0017381

136. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ Nguyễn Trung Hưng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 106tr.; 27cm.

335.43460711 Gi-108T/M.174802 - M.174803 - M.174804; MP.0035226 - MP.0035227

137. *Hướng dẫn học tập chuyên đề 2020: "Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 399tr.; 27cm.

335.4346 H561D/M.175018 - M.175019

138. *Mãi mãi đi theo con đường của Bác Hồ*. - H.: Dân trí, 2020. - 199tr.; 19cm.. - (50 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019))

335.4346 M103M/M.174964 - M.174965; MP.0035308; VN.0081038 - VN.0081039

139. *Một trăm năm chủ nghĩa xã hội hiện thực - Giá trị lý luận và thực tiễn*: Kỷ yếu Hội thảo. - H.: Học viện Chính trị, 2017. - 597tr.; 30cm.

335 M458T/T.0024313

140. *Nghệ thuật trả lời phỏng vấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2020. - 440tr.; 24cm.

335.4346 Ngh250T/M.175341 - M.175342 - M.175343; MP.0035570; V.0017629 - V.0017630

337 - Kinh tế học quốc tế

141. *Hợp tác kinh tế thương mại Trung-Nhật-Hàn: động lực quan trọng tăng trưởng kinh tế Châu Á và toàn cầu*/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 84tr.; 30cm.

337 H466T/T.0024280

142. *Tình hình mới về phát triển kinh tế, thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN*/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 70tr.; 30cm.

337.5105 T312H/T.0024241

338 - Sản xuất

143. *Các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ Tô Trung Thành chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2020. - 352tr.; 21cm.

338.604109597 C101R/M.175346 - M.175347 - M.175348; MP.0035571; VN.0081134 - VN.0081135

144. *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư*/ Phạm Thuyên. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 871tr.; 24cm.

338.9597 C455N/M.174043 - M.174044 - M.174045; V.0017327 - V.0017328

145. Công nghiệp khai khoáng ở Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc/ Tạ Thị Thúy. - H.: Khoa học Xã hội, 2018. - 750tr.; 27cm.

338.209597 C455N/M.174571 - M.174572

146. Hà Giang - Tiềm năng phát triển kinh tế và hội nhập. - H.: Hồng Đức, 2016. - 92tr.; 30cm.

338.9597 H100G/M.174566 - M.174567

147. Khát vọng Việt: Vì sao đất nước ta còn nghèo?/ Đỗ Cao Bảo. - H.: Thế giới, 2020. - 447tr.; 24cm.

338.9597 Kh110V/V.0017613 - V.0017614

148. Kỹ yếu hội thảo - Diễn đàn cấp cao và triển lãm quốc tế về công nghiệp 4.0. - H., 2019. - tr.; 30cm.

338.09597 K600Y/M.174568 - M.174569 - M.174570; MP.0035043

149. Một số vấn đề lý luận cơ bản và kinh nghiệm quốc tế chủ yếu về phát triển vùng/ Bùi Quang Tuấn. - H.: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2011. - 172tr.; 30cm.

338.9597 M458S/T.0024166

150. Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2019. - H.: Thống kê, 2019. - 564tr.; 27cm.

338.709597 S102T/V.0017584

151. Tài liệu diễn đàn kinh tế Việt Nam 2019. - H., 2019. - 219tr.; 30cm.

**338.9597 T103L/M.174563 - M.174564 - M.174565; MP.0035042;
V.0017475 - V.0017476**

152. Tiếp cận vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Phùng Thế Đông, Nguyễn Thị Hồng Nhâm. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 228tr.; 21cm.

**338.604109597 T307C/M.175475 - M.175476 - M.175477; VN.0081172 -
VN.0081173**

153. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Thành tựu 15 năm thành lập và 5 năm gia nhập WTO. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2012. - 518tr.; 26cm.

338.95974 V513K/M.174578

340 - Luật pháp

341 - Luật giữa các quốc gia

154. Hiệp ước các lực lượng hạt nhân tầm trung và vai trò của Mỹ/ Đặng Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 47tr.; 30cm.

341.734 H307U/T.0024209

155. *Tìm hiểu về tòa trọng tài thường trực La Hay/ Bành Quốc Tuấn.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 135tr.; 21cm.

341.5222 T310H/M.174066 - M.174067 - M.174068; VN.0080853 - VN.0080854

342 - Luật hiến pháp và hành chính

156. *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam/ Vũ Trọng Lâm chủ biên.* - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019. - 208tr.; 24cm.

342.597020711 Gi-108T/M.175335 - M.175336 - M.175337; MP.0035568; V.0017625 - V.0017626

157. *Kỷ yếu hội thảo khoa học - Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về pháp luật chuyển đổi giới tính và bài học cho Việt Nam.* - H.: Tri thức, 2018. - 222tr.; 24cm.

342.085 K600Y/M.174589 - M.174590 - M.174591

158. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hiến pháp ở Việt Nam - Giá trị lý luận và thực tiễn/ Trịnh Quốc Việt.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 199tr.; 21cm.

342.597023 T550T/M.174084 - M.174085 - M.174086; MP.0034815 - MP.0034816; VN.0080865 - VN.0080866

344 - Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

159. *Hỏi - đáp về chế độ, chính sách dành cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động/ Đồng chủ biên: Đàm Bích Hiền, Nguyễn Khánh Ly.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 139tr.; 21cm.

344.5970102638 H428Đ/M.174060 - M.174061 - M.174062; MP.0034803 - MP.0034804

160. *Luật thư viện - Các kỹ năng hướng dẫn nghiệp vụ thư viện: Luật thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội.* - H.: Lao động, 2020. - 391tr.; 28cm.

344.59709202632 L504T/M.175016 - M.175017; V.0017582 - V.0017583

161. *Những điều cần biết về quản lý tài nguyên môi trường biển và hải đảo/ Lê Thái Dũng biên soạn.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 199tr.; 21cm.

344.59704602632 Nh556Đ/M.174938 - M.174939; MP.0035284 - MP.0035285

346 - Luật tư

162. *Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo Điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Vũ Thị Phương Lan chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 200tr.; 21cm.

**346.5970482 B108H/M.174057 - M.174058 - M.174059; MP.0034802;
VN.0080849 - VN.0080850**

163. *Cẩm nang pháp luật ngân hàng*: Nhận diện những vấn đề pháp lý/ *Trương Thanh Đức*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2020. - 576tr.; 24cm.

346.597082 C120N/M.175344 - M.175345; V.0017631 - V.0017632

349 - *Luật pháp của khu vực pháp quyền, khu vực, vùng kinh tế xã hội, tổ chức liên chính phủ vùng cụ thể*

164. *Tập bài giảng nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở*/ *Nguyễn Văn Phụng*. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 128tr.; 24cm.

**349.597 T123B/M.174051 - M.174052 - M.174053; MP.0034798 -
MP.0034799**

350 - Hành chính và quân sự

351 - Hành chính công

165. *Giáo trình soạn thảo văn bản*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Cán Thị Thu Hằng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 123tr.; 27cm.

**351.5970711 Gi-108T/M.174805 - M.174806 - M.174807; MP.0035230 -
MP.0035231**

166. *Giáo trình soạn thảo văn bản*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Lê Văn Tách chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 124tr.; 27cm.

**351.5970711 Gi-108T/M.174784 - M.174785 - M.174786; MP.0035190 -
MP.0035191**

167. *Khoa học lãnh đạo, quản lý và sự vận dụng vào Việt Nam giai đoạn hiện nay*/ *Đỗ Minh Cường*. - H.: Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 2016. - 347tr.; 30cm.

352.3 Kh401H/T.0024174

168. *Sổ tay kỹ năng, nghiệp vụ dành cho công chức văn phòng - thống kê cấp xã*/ *Nguyễn Thị Thanh Hương chủ biên*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2020. - 240tr.; 21cm.

**351.597 S450T/M.175349 - M.175350 - M.175351; MP.0035572;
VN.0081136, VN.0081147**

169. *Vai trò của Hồi giáo đối với quản lý nhà nước ở Malaysia hiện nay*/ *Hoàng Thị Mỹ Nhi*. - H.: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2018. - 62tr.; 30cm.

351.595 V103T/T.0024172

355 - Khoa học quân sự

170. *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 484tr.; 21cm.

T.14 : Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

355.00922597 A107H/M.175478 - M.175479 - M.175480; VN.0081174 - VN.0081175

171. *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 564tr.; 21cm.

355.009597 A107H/M.175481 - M.175482 - M.175483; VN.0081176 - VN.0081177

172. *Báo cáo về an ninh Trung Quốc 2019/ Đoàn Huy Khoa*. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 134tr.; 30cm.

355.00951 B108C/T.0024212

173. *70 năm Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng*. - H.: Văn hóa Thông tin, 2014. - 435tr.; 30cm.

355 B112M/T.0024315

174. *Cách mạng quân sự trong tương lai và ảnh hưởng đến quốc phòng an ninh Việt Nam/ Nguyễn Như Huyền*. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 81tr.; 30cm.

355 C102M/T.0024215

175. *Cải cách mới trong quân đội Trung Quốc/ Đinh Công Huân*. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 62tr.; 30cm.

355.00951 C103C/T.0024214

176. *Chân dung các nghệ sĩ Quân đội*. - H.: Dân trí, 2020. - 191tr.; 21cm.

T.2

355.00922/M.174944 - M.174945; MP.0035290 - MP.0035291

177. *Chiến lược phát triển lực lượng tác chiến mạng của một số nước/ Hoàng Kim Trường*. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 83tr.; 30cm.

355 Ch305L/T.0024202

178. *Chiến lược quân sự, quốc phòng và an ninh quốc gia của các nước lớn trong tình hình thế giới hiện nay/ Đoàn Huy Khoa*. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 104tr.; 30cm.

355 Ch305L/T.0024258

179. *Chiến tranh thông tin tác động và biện pháp đối phó/ Đặng Trọng Anh*. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 137tr.; 30cm.

355 Ch305T/T.0024291

180. Chiến tranh thông tin: Từ tờ rơi tới Twitter/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 75tr.; 30cm.

355 Ch305T/T.0024217

181. Chiến tranh trí tuệ nhân tạo: Sách tham khảo/ *Nguyễn Hữu Thắng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 198tr.; 21cm.

355.8028563/LC.0015116

182. Chiến tranh trí tuệ nhân tạo: Sách tham khảo/ *Nguyễn Hữu Thắng biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 200tr.; 21cm.

355.8028563 Ch305T/M.175496 - M.175497 - M.175498; VN.0081180 - VN.0081181

183. Chính sách chuyển nhượng vũ khí của các cường quốc lớn cho Trung Quốc/ Lê Thế Mỹ. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 64tr.; 30cm.

355 Ch312S/T.0024224

184. Chính sách quân sự của Mỹ với các nước phương Tây/ Dương Quốc Chính. - H. 2019; - tr.; 30cm.

355.00973 Ch312S/T.0024213

185. Công nghiệp quốc phòng Trung Quốc/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 61tr.; 30cm.

355.8 C455N/T.0024250

186. Định hướng giá trị văn hóa của học viên đào tạo sĩ quan trong các trường Quân đội: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Vương Bình.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 183tr.; 21cm.

355.107119597 Đ312H/LC.0015117; M.175610 - M.175611; MP.0035792; VN.0081188 - VN.0081189

187. Giáo trình công tác hậu cần, kỹ thuật trong khu vực phòng thủ: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Chí Hướng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 208tr.; 27cm.

355.80711 Gi-108T/MP.0035182 - MP.0035183; V.0017512 - V.0017513

188. Giáo trình chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của ban chỉ huy quân sự và chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Văn Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 248tr.; 27cm.

355.30711 Gi-108T/MP.0035188 - MP.0035189; V.0017518 - V.0017519

189. Giáo trình công nghệ chế tạo các chi tiết điển hình vũ khí: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ *Nguyễn Văn Hưng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 203tr.; 27cm.

**355.80711 Gi-108T/LCV.0002196; MP.0034841 - MP.0034842;
V.0017338 - V.0017339**

190. *Giáo trình công tác quốc phòng, quân sự địa phương*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Phạm Xuân Mạnh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 180tr.; 27cm.

T.2

**355.0095970711 Gi-108T/MP.0035186 - MP.0035187; V.0017516 -
V.0017517**

191. *Giáo trình công tác tham mưu huấn luyện, chiến đấu phòng thủ xã, phường, thị trấn*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Vũ Xuân Hào chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 196tr.; 27cm.

**355.50711 Gi-108T/LCV.0002032 - LCV.0002033; MP.0035214 -
MP.0035215; V.0017534 - V.0017535**

192. *Giáo trình công tác tham mưu huấn luyện; Nội dung, trình tự lập và phê chuẩn kế hoạch hoạt động của dân quân tự vệ*: Dùng đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở/ *Lê Văn Ninh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 188tr.; 27cm.

**355.50711 Gi-108T/LCV.0002213 - LCV.0002214; MP.0031538 -
MP.0031539; V.0016377 - V.0016378**

193. *Giáo trình địa hình quân sự*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Văn Sơn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 96tr.; 27cm.

**355.00711 Gi-108T/LCV.0002042; MP.0035220 - MP.0035221;
V.0017538 - V.0017539**

194. *Giáo trình đường lối quốc phòng, an ninh, đối ngoại*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Chân Lý*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 119tr.; 27cm.

355.009597 Gi-108T/MP.0034851 - MP.0034852; V.0017378 - V.0017379

195. *Giáo trình giáo dục học quân sự*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Đỗ Đình Dũng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 120tr.; 27cm.

**355.00711 Gi-108T/M.174787 - M.174788 - M.174789; MP.0035192 -
MP.0035193**

196. *Giáo trình kỹ thuật đánh gần*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Chu Trung Kiên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 140tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/MP.0035206 - MP.0035207; V.0017530 - V.0017531

197. *Giáo trình lịch sử quân sự*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ

trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Đinh Huy Minh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 164tr.; 27cm.

355.0095970711 Gi-108T/LCV.0002029 - LCV.0002030; M.174814 - M.174815 - M.174816; MP.0035236 - MP.0035237

198. *Giáo trình phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu dân quân tự vệ*: Dành đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở/ *Phạm Minh Thuyết chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 84tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/LCV.0002211 - LCV.0002212; MP.0031552 - MP.0031553; V.0016391 - V.0016392

199. *Giáo trình quốc phòng, an ninh và đối ngoại*: Dành đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Đức Thịnh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 164tr.; 27cm.

355.40711 Gi-108T/LCV.0002225 - LCV.0002226; MP.0031506 - MP.0031507; V.0016345 - V.0016346

200. *Giáo trình thông tin, tác chiến điện tử*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Trương Đình Quý chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 164tr.; 27cm.

355.40711 Gi-108T/LCV.0001910; MP.0035218 - MP.0035219; V.0017536 - V.0017537

201. *Giáo trình thông tin, tác chiến điện tử*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Trương Đình Quý chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 160tr.; 27cm.

355.40711 Gi-108T/LCV.0002026 - LCV.0002027; MP.0035240 - MP.0035241; V.0017548 - V.0017549

202. *Giáo trình tổ chức, phương pháp huấn luyện chiến thuật dân quân tự vệ*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Văn Thanh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 174tr.; 27cm.

355.540711 Gi-108T/LCV.0002028; MP.0035238 - MP.0035239; V.0017546 - V.0017547

203. *Giáo trình trinh sát - quân sự nước ngoài*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Đỗ Quang Vinh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 143tr.; 27cm.

355.4130711 Gi-108T/LCV.0002038 - LCV.0002039; MP.0035224 - MP.0035225; V.0017542 - V.0017543

204. *Giáo trình xây dựng văn kiện diễn tập và thực hành diễn tập ở xã, phường, thị trấn*: Dành cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Ngô Văn Tài chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 180tr.; 27cm.

355.50711 Gi-108T/M.174799 - M.174800 - M.174801; MP.0035216 - MP.0035217

205. Hải quân Mỹ tăng cường sức mạnh đối phó với "cạnh tranh nước lớn"/ Đinh Công Huân. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 73tr.; 30cm.

355.00973 H103Q/T.0024216

206. Hiện trạng và triển vọng phát triển trí tuệ nhân tạo trong quân đội Mỹ và các nước/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 119tr.; 30cm.

355.00973 H305T/T.0024272

207. Hợp tác quốc phòng, quân sự Việt Nam với các nước trong ASEAN và các nước trên thế giới trong giai đoạn hiện nay/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 160tr.; 30cm.

355.009597 H466T/T.0024255

208. Hướng dẫn sử dụng một số phương tiện tra nạp xăng dầu: Dùng cho đào tạo cán bộ hậu cần phân đội trình độ đại học, chuyên ngành xăng dầu/ *Phạm Bảo Hưng chủ biên, Bùi Hồng Quân, Trần Minh Độ.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 81tr.; 27cm.

355.83 H561D/V.0017358 - V.0017359

209. Kỹ yếu Hội thảo khoa học: " Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến đào tạo cán bộ chính trị trong quân đội hiện nay". - H.: Học viện Chính trị, 2019. - 470tr.; 30cm.

355.009597 K600Y/T.0024311

210. Kỹ yếu Thư viện Quân đội và hệ thống thư viện toàn quân 55 năm xây dựng và phát triển. - H.: Thư viện Quân đội, 2012. - 208tr.; 30cm.

355.009597 K600Y/T.0024309

211. NATO 70 năm: Lấp khoảng trống năng lực phòng thủ/ Nguyễn Kim Bằng. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 87tr.; 30cm.

355 N110B/T.0024204

212. NATO trong đại chiến lược của Mỹ/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 126tr.; 30cm.

355 N110T/T.0024288

213. Nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở các tiểu đoàn học viên đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần/ Đặng Hoài Thiêm. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 75tr.; 30cm.

355.009597 N122C/T.0024319

214. Nền quốc phòng toàn dân trước tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư/ Phạm Văn Sơn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 202tr.; 21cm.

355.0330597 N254Q/LC.0015118

215. Những phát triển về vũ khí trang bị công nghệ cao/ Phan Thu biên soạn và sưu tầm.
- H.: 2011. - 229tr.; 30cm.

355.8 Nh556P/T.0024306

216. Phân tích cuộc cách mạng quân sự mới của Mỹ: Chiến trường trong tương lai/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 73tr.; 30cm.

355.00973 Ph121T/T.0024223

217. Phòng, chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực quốc phòng: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Bá Dương chủ biên. - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 236tr.; 21cm.

355.0330597 Ph431C/LC.0015158

218. Quan điểm của V.I. Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam về chính ủy, chính trị viên trong Quân đội Nhân dân Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Trường Sơn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 176tr.; 21cm.

355.3309597 Qu105Đ/M.175499 - M.175500 - M.175501; VN.0081182 - VN.0081183

219. Quan hệ an ninh quân sự của Nhật Bản đối với các nước trong khu vực và trên thế giới/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 86tr.; 30cm.

355.00952 Qu105H/T.0024242

220. Quân đội đẩy mạnh phòng, chống "diễn biến hòa bình" trên không gian mạng/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 79tr.; 30cm.

355 Qu121Đ/T.0024274

221. Quân đội Nga đẩy mạnh phát triển vũ khí trang bị hiện đại và xu hướng phát triển hiện nay trên thế giới/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 70tr.; 30cm.

355.0047 Qu121Đ/T.0024257

222. Quy hoạch tổng thể các khu kinh tế quốc phòng trên đất liền và trên biển đến năm 2020, tầm nhìn 2030/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 135tr.; 30cm.

355.009597 Qu600H/T.0024292

223. 60 năm Thư viện Quân đội (15.11.1957 - 15.11.2017). - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 171tr.; 30cm.

355.009597 S111M/T.0024310

224. Sự phát triển mang tính đột phá của quân đội Nga/ Đoàn Huy Khoa. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 71tr.; 30cm.

355.00947 S550P/T.0024285

225. Sự trỗi dậy về quốc phòng của Trung Quốc giai đoạn 2011-2020 và những vấn đề đặt ra với Việt Nam/ Đỗ Minh Cao. - H.: Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2012. - 188tr.; 30cm.

355.00951 S550T/T.0024167

226. Tác chiến mạng của một số nước trên thế giới/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 83tr.; 30cm.

355 T101C/T.0024247

227. Tác chiến mạng của Trung Quốc: mang tính tấn công hay phòng thủ?/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 64tr.; 30cm.

355.00951 T101C/T.0024233

228. Tài liệu bổ trợ học tập Chính trị năm 2020/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 236tr.; 19cm.

355.009597 T103L/MP.0035682 - MP.0035683; VN.0081184 - VN.0081185

229. Tài liệu nghiên cứu chuyên đề của sĩ quan năm 2020/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 100tr.; 19cm.

355.009597 T103L/MP.0035684 - MP.0035685; VN.0081186 - VN.0081187

230. Thành quả và triển vọng 10 năm cải cách và diện mạo mới của quân sự Nga dưới thời Putin/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 64tr.; 30cm.

355.00943 Th107Q/T.0024254

231. Thời đại số hóa quân sự các nước: sự ổn định chiến lược toàn cầu và những thách thức rủi ro cao/ Đinh Công Huân. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 80tr.; 30cm.

355 Th462Đ/T.0024271

232. Thực trạng tình hình thế giới về mặt chiến lược quân sự: những thách thức và mối đe dọa nền an ninh của Nga/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 72tr.; 30cm.

355.00947 Th552T/T.0024273

233. Tiến tới các lực lượng NATO 2020: Những công nghệ làm tăng sức mạnh chiến đấu cho phòng thủ thông tin/ Đinh Công Huân. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 58tr.; 30cm.

355 T305T/T.0024231

234. Tìm hiểu một số ưu tiên trong phát triển quân sự Mỹ hiện nay/ Nguyễn Thanh Tùng. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 75tr.; 30cm.

355.00973

T310H/T.0024249

235. *Tìm hiểu về Lục quân Mỹ và chiến lược của Lục quân Mỹ/ Đinh Công Huân.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 90tr.; 30cm.

355.00973

T310H/T.0024300

236. *Trí tuệ nhân tạo: Một cuộc cách mạng trong các vấn đề chiến lược/ Lê Thế Mỹ.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 85tr.; 30cm.

355

Tr300T/T.0024237

237. *Triển vọng hợp tác quân sự Trung Quốc - ASEAN/ Dương Quốc Chính.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 86tr.; 30cm.

355

Tr305V/T.0024286

238. *Vai trò của lực lượng tác chiến đặc biệt trong chiến tranh tương lai của Mỹ/ Đoàn Huy Khoa.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 70tr.; 30cm.

355.00973

V103T/T.0024243

239. *Vật tư cho khai thác, sửa chữa vũ khí và trang bị kỹ thuật: Dành cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí trình độ đại học/ Đặng Đức Thắng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 410tr.; 29cm.

355.8

V124T/LCV.0001993; MP.0034921 - MP.0034922; V.0017441 -

V.0017442

240. *Việt Nam tìm đối tác quốc phòng với các nước qua can dự đa chiều/ Dương Quốc Chính.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 136tr.; 30cm.

355.009597

V308N/T.0024265

241. *Xu hướng phát triển vũ khí trang bị của quân đội các nước hiện nay trên thế giới/ Đoàn Huy Khoa.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 78tr.; 30cm.

355

X500H/T.0024220

242. *Xung đột quân sự và xu hướng thay đổi tính chất đấu tranh vũ trang các nước/ Nguyễn Như Huyền.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 89tr.; 30cm.

355.02

X513Đ/T.0024235

356 - Lực lượng bộ binh

243. *Kỷ yếu Lịch sử Trung đoàn Bộ binh 159 (1977-1991)/ Lê Hồng Điệp chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 132tr.; 21cm.

356.109597

K600Y/M.175484 - M.175485 - M.175486; VN.0081178 -

VN.0081179

359 - Lực lượng trên biển

244. Ba chiến lược lớn hướng ra biển của Hải quân Trung Quốc/ Nguyễn Như Huyền. -
H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 66tr.; 30cm.

359.00951 B100C/T.0024219

245. Bước phát triển mới của Hải quân Việt Nam/ Dương Quốc Chính. - H.: Trung tâm
Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 76tr.; 30cm.

359.00957 B557P/T.0024218

246. Chiến lược phát triển sức mạnh biển của Mỹ với các nước trên thế giới/ Dương
Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 75tr.; 30cm.

359.00973 Ch305L/T.0024240

247. Hợp tác hải quân giữa các nước Đông Nam Á với vấn đề biển Đông/ Đinh Công
Huân. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 96tr.; 30cm.

359.0059 H466T/T.0024221

248. Nghiên cứu sự phát triển chuyển đổi mô hình quân sự của hải quân Nga/ Dương
Quốc Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 87tr.; 30cm.

359.00943 Ngh305C/T.0024228

360 – Vấn đề dịch vụ xã hội; hiệp hội

249. 70 năm Công an Thái Bình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành (1945 - 2015). -
H.: Công an nhân dân, 2015. - 184tr.; 27cm.

363.209597 B126M/V.0017477

250. Cải cách an sinh xã hội ở các nước Đông Bắc Á từ 1990 đến nay: Kinh nghiệm và
khả năng vận dụng vào Việt Nam/ Trần Thị Nhung. - H. 2016. - 273tr.; 30cm.

362.952 C103C/T.0024170

251. Giáo trình quản lý tài chính bảo hiểm trong Quân đội: Dành cho đào tạo cán bộ hậu
cần cấp phân đội trình độ đại học, chuyên ngành tài chính Quân đội/ Trần Đình Thắng chủ
biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 166tr.; 27cm.

368.00711 Gi-108T/V.0017352 - V.0017353

252. Khủng hoảng môi trường: Có phải nguy cơ hết thuốc chữa?/ Trần Văn Chánh. -
Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 283tr.; 21cm.

363.7009597 Kh513H/M.174890 - M.174891 - M.174892; MP.0035259

370 – Giáo dục

253. Xây dựng nội dung giảng dạy lịch sử về vấn đề biển Đông ở các trường sư phạm/
Nguyễn Thị Hạnh. - H. 2015: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. - 76tr.; 30cm + + phụ lục

378.17 X126D/T.0024171

380 – Thương mại, truyền thông, vận tải

254. Cuộc chiến kinh tế với Mỹ - Trung Quốc và những bài học rút ra là gì?/ Đinh Công Huân. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2019. - 69tr.; 30cm.

382.0951073 C514C/T.0024246

255. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung: Xu hướng và tác động đến Việt Nam và các nước/ Dương Quốc Chính. - H., 2019: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự. - 117tr.; cm

382.0973051 C514C/T.0024263

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa, dân gian

256. Phong tục đất phương Nam/ Từ Xuân Lân. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 472tr.; 23cm.

390.09597 Ph431T/M.174873 - M.174874 - M.174875; MP.0035254

398 – Văn hóa dân gian

257. Sự tích Việt Nam hay nhất. - H.: Văn học, 2020. - 199tr.; 21cm.

398.209597 S550T/M.175247 - M.175248; MP.0035489 - MP.0035490

258. Thần thoại Hy Lạp/ Nguyễn Văn Khoa biên soạn. - Tái bản. - H.: Văn học, 2020. - 899tr.; 24cm.

398.209495 Th121T/M.175190 - M.175191; V.0017603 - V.0017604

259. Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Vũ Hồng Vận. - H.: Chính trị quốc gia sự thật, 2020. - 184tr.; 21cm.

398.4109597 T311N/M.175352 - M.175353 - M.175354; MP.0035573; VN.0081137 - VN.0081138

260. Truyện cổ Andersen/ Hans Christian Andersen; Ng.dịch: Nguyễn Văn Hải, Vũ Minh Toàn. - H.: Văn học, 2019. - 455tr.; 21cm.

398.209489 Tr527C/M.175206 - M.175207; MP.0035459 - MP.0035460

261. Truyện cổ dân gian Việt Nam hay nhất. - H.: Văn học, 2019. - 199tr.; 21cm.

398.209597 Tr527C/M.175253 - M.175254; MP.0035495 - MP.0035496

262. Truyện cổ tích chọn lọc Việt Nam. - H.: Văn học, 2019. - 198tr.; 21cm.

398.209597 Tr527C/M.175251 - M.175252; MP.0035493 - MP.0035494

263. Truyện cổ tích về loài vật. - H.: Văn học, 2020. - 195tr.; 21cm.

398.245 Tr527C/M.175214 - M.175215; MP.0035467 - MP.0035468

264. Tuyển tập truyện cổ tích thần kỳ Việt Nam. - H.: Văn học, 2020. - 199tr.; 21cm.

398.209597 T527T/M.175249 - M.175250; MP.0035491 - MP.0035492

265. *Tuyển tập truyện ngụ ngôn Êđốp/ Bùi Phụng dịch.* - H.: Văn học, 2020. - 187tr.; 21cm.

398.209495 T527T/M.175216 - M.175217 - M.175218

266. *Văn học dân gian Tiền Giang:* Tuyển chọn từ tài liệu sưu tầm điền dã/ *La Mai Thi Gia chủ biên, Phan Xuân Viện, Lê Thị Thanh Vi.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 354tr.; 21cm.

T.1

398.209597 V115H/M.174896 - M.174897; VN.0081026 - VN.0081027

T.2 - 276tr.

398.809597 V115H/M.174906 - M.174907; VN.0081032 - VN.0081033

400 - NGÔN NGỮ

420 - Tiếng Anh

267. *B1 speaking test supplementary book for postgraduate students:* Dùng cho đào tạo học viên cao học quân sự và dân sự/ *Hồ Thị Thoa chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 101tr.; 27cm.

428.00711 00000/M.174468 - M.174469 - M.174470; MP.0034953 - MP.0034954

268. *English grammar review for pre-master course students:* Dùng cho đào tạo học viên cao học quân sự và dân sự/ *Nguyễn Thị Ngọc Trang chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 173tr.; 27cm.

428.00711 E204G/M.174462 - M.174463 - M.174464; MP.0034947 - MP.0034948

269. *Giáo trình tiếng Anh:* Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Đức Hậu, Cấn Thị Thu Hà.....* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 128tr.; 27cm.

428.00711 Gi-108T/LCV.0002189 - LCV.0002190; M.174811 - M.174812 - M.174813; MP.0035234 - MP.0035235

270. *Giáo trình tiếng Anh:* Dùng đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở/ *Tổng Quốc Lâm chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 196tr.; 27cm.

428.00711 Gi-108T/LCV.0002219 - LCV.0002220; MP.0031530 - MP.0031531; V.0016369 - V.0016370

271. *Giáo trình tiếng Anh:* Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Cấn Thị Thu Hà.....* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 331tr.; 27cm.

428.00711 Gi-108T/LCV.0002157 - LCV.0002158; M.174793 - M.174794 - M.174795; MP.0035208 - MP.0035209

272. *Using language games to develop english speaking skill*: Dùng cho đào tạo học viên quân sự và dân sự. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 195tr.; 27cm.

428.00711

U521L/LCV.0002093; M.174456 - M.174457 - M.174458

490 – Ngôn ngữ khác

273. *Tiếng Việt chuyên ngành*: Dùng cho đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội trình độ đại học, Quân đội nhân dân Lào, Quân đội hoàng gia Campuchia tại Học viện Hậu cần/ *Hà Thúy Anh chủ biên, Lê Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Lan*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 105tr.; 27cm.

495.922

T306V/V.0017356 - V.0017357

274. *Từ nguyên*: Chọn lọc từ chuyện Đông chuyện Tây/ *An Chi*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 470tr.; 24cm.

T.1

495.9227

T550N/M.174867 - M.174868 - M.174869; MP.0035252

500 – KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN HỌC

510 – Toán học

516 - Hình học

275. *Giáo trình bài tập hình học họa hình*: Dùng cho đào tạo các ngành kỹ thuật bậc đại học/ *Nguyễn Trường Sinh chủ biên, Phan Văn Mạnh, Lê Đức Long*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 177tr.; 27cm.

516.00711

Gi-108T/M.174145 - M.174146 - M.174147; V.0017346 -

V.0017347

519 - Xác suất và toán ứng dụng

276. *Giáo trình bài tập xác suất thống kê*: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Vũ Quang Thường chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 171tr.; 27cm.

519.0711

Gi-108T/LCV.0002150; M.174437 - M.174438 - M.174439;

MP.0034925 - MP.0034926

277. *Giáo trình toán ứng dụng*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành quân sự cơ sở/ *Trần Thị Thanh Huyền chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 142tr.; 27cm.

519.0711

Gi-108T/LCV.0002031; M.174808 - M.174809 - M.174810;

MP.0035232 - MP.0035233

526 - Địa lý toán học

278. Giáo trình Trắc địa: Dùng cho đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội trình độ đại học, ngành kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 172tr.; 27cm.

526.90711

Gi-108T/V.0017360 - V.0017361

530 - Vật lý học

535 - Ánh sáng và bức xạ có liên quan

279. Tuyển tập các bài tập quang học ứng dụng: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ *Lê Duy Tuấn chủ biên, Dương Chí Dũng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 326tr.; 27cm.

T.1

535

T527T/LCV.0002089; M.174142 - M.174143 - M.174144;

V.0017340 - V.0017341

280. Tuyển tập các bài tập quang học ứng dụng: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ *Lê Duy Tuấn chủ biên, Dương Chí Dũng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 349tr.; 27cm.

T.2

535

T527T/LCV.0002090; M.174459 - M.174460 - M.174461;

MP.0034945 - MP.0034946

540 - Hóa học

281. Giáo trình hóa vô cơ - hữu cơ: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Đồng chủ biên: Bạch Thị Tâm, Lê Văn Dũng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 291tr.; 27cm.

540.711

Gi-108T/M.174510; V.0017350 - V.0017351

570 - Sinh vật học

282. Giáo trình thực tập sinh học và di truyền y học: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Chủ biên: Lê Thị Kim Dung,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 95tr.; 27cm.

570.711

Gi-108T/LCV.0002151; M.174148 - M.174149; V.0017348 -

V.0017349

600 - CÔNG NGHỆ

610 - Y học

283. Giáo trình điều dưỡng cơ sở: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Chủ biên: Lê Anh Tuấn,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 263tr.; 27cm.

610.730711

Gi-108T/LCV.0002152; M.174138 - M.174139; V.0017331 -

V.0017332

611 - Giải phẫu, tế bào học, mô học người

284. Giáo trình bệnh lý và phẫu thuật hàm mặt: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Lê Đức Tuấn chủ biên*. - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 147tr.; 27cm.

**611.920711 Gi-108T/LCV.0002122; M.174443 - M.174444 - M.174445;
MP.0034929 - MP.0034930**

612 - Sinh lý học người

285. Thực tập hóa sinh y học: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Phạm Văn Trân chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 133tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

612.015 Th552T/M.174436; V 15728 - V 15729

615 - Dược lý học và điều trị học

286. Giáo trình bệnh học các chuyên khoa trong y học cổ truyền: Dùng cho đào tạo trình độ sau đại học/ *Đoàn Chí Cường chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 445tr.; 27cm.

**615.80711 Gi-108T/LCV.0002210; M.174140 - M.174141; V.0017333 -
V.0017334**

287. Giáo trình công tác dược bệnh viện: Dùng cho đào tạo trình độ đại học dược/ *Chủ biên: Nguyễn Minh Chính, Nguyễn Minh Tuấn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 237tr.; 27cm.

**615.10711 Gi-108T/LCV.0002091; M.174440 - M.174441 - M.174442;
MP.0034927 - MP.0034928**

288. Hướng dẫn hoạt động truyền máu trong Quân đội/ Nguyễn Xuân Kiên chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 203tr.; 24cm.

615.39 H561D/M.174170 - M.174171 - M.174172; V.0017394 - V.0017395

616 - Các bệnh cụ thể

289. Cẩm nang hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh. - H.: Hồng Đức, 2020. - 416tr.; 27cm.

616.2 C120N/M.175020 - M.175021 - M.175022; MP.0035343

290. Dịch Covid-19: Hiểu rõ và phòng ngừa đúng cách/ Trương Văn Hồng chủ biên; Lương Hiền dịch. - H.: Hồng Đức, 2020. - 107tr.; 18cm.

616.2 D302C/M.174684

291. Giáo trình bệnh da liễu: Dùng cho đào tạo trình độ sau đại học/ *Chủ biên: Nguyễn Cảnh Cầu, Trần Đăng Quyết*. - Tái bản lần 1 có sửa chữa và bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 559tr.; 27cm.

**616.500711 Gi-108T/LCV.0001938; M.174433 - M.174434 - M.174435;
MP.0034923 - MP.0034924**

292. *Giáo trình bệnh học ngoại lồng ngực - tìm mạch*: Dùng cho đào tạo trình độ sau đại học/ *Nguyễn Trường Giang chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 587tr.; 27cm.

**616.0071 Gi-108T/DT.0000144 - DT.0000145; LCV.0002207;
M.0168606 - M.0168607; MP.0030974 - MP.0030975**

617 - *Phẫu thuật, y học vùng, nha khoa, nhãn khoa, khoa tai, thính học*

293. *Giáo trình bỏng*: Dùng cho đào tạo trình độ sau đại học/ *Nguyễn Ngọc Tuấn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 747tr.; 27cm.

**617.110711 Gi-108T/LCV.0002206; M.0169162 - M.0169163;
MP.0031410 - MP.0031411**

620 - *Kỹ thuật và hoạt động liên thuộc*

294. *Xử lý tín hiệu thủy âm trong điều kiện động phức tạp*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ *Nguyễn Tiến Tài chủ biên, Nguyễn Tiến Thái*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 206tr.; 27cm.

**621.3824 X550L/LCV.0002148; M.174452 - M.174453; MP.0034937 -
MP.0034938; V.0017335**

623 - *Kỹ thuật quân sự và hàng hải*

295. *An toàn công nghệ trong sản xuất thuốc phóng và nhiên liệu tên lửa*/ *Nguyễn Văn Tỉnh, Hoàng Trung Hữu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 224tr.; 27cm.

623.4519 A105T/MP.0034839 - MP.0034840; V.0017336 - V.0017337

296. *Cơ sở lý thuyết tính toán thiết kế cơ cấu khóa nòng*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí/ *Trương Tư Hiếu chủ biên, Vũ Nhật Minh, Nguyễn Viết Trung*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 141tr.; 27cm.

**623.40711 C460S/LCV.0002087; MP.0034935 - MP.0034936; V.0017443
- V.0017444**

297. *Cơ sở thiết kế hệ thống súng pháo không giật*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Thái Dũng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 298tr.; 27cm.

**623.40711 C460S/LCV.0002179; MP.0034939 - MP.0034940; V.0017445
- V.0017446**

298. *Giáo trình cơ sở lý thuyết thủy âm*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành ra đa - sonar/ *Nguyễn Mạnh Cường chủ biên, Nguyễn Tiên Hải, Nguyễn Ngọc Đông*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 292tr.; 27cm.

623.73480711 Gi-108T/LCV.0002209

299. *Giáo trình đại cương thuốc phóng thuốc nổ*: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành vũ khí và đạn/ *Nguyễn Tiến Nghi chủ biên, Nguyễn Trung Toàn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 217tr.; 27cm.

**623.270711 Gi-108T/LCV.0002145; MP.0034845 - MP.0034846;
V.0017344 - V.0017345**

300. *Giáo trình đánh giá độ tin cậy của trang bị vũ khí trong quá trình thiết kế và khai thác*: Dùng cho đào tạo sau đại học chuyên ngành vũ khí/ *Trần Công Dũng chủ biên, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Hưng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 283tr.; 27cm.

623.40711 Gi-108T/MP.0034847, MP.0035002; V.0017364 - V.0017365

301. *Giáo trình kỹ thuật súng bộ binh*: Dùng đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở/ *Phạm Minh Thuyết chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 112tr.; 27cm.

**623.40711 Gi-108T/LCV.0002227 - LCV.0002228; MP.0031524 -
MP.0031525; V.0016363 - V.0016364**

302. *Giáo trình kỹ thuật súng, bộ binh, lựu đạn*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Phùng Công Hải chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 176tr.; 27cm.

**623.40711 Gi-108T/LCV.0002075 - LCV.0002076; MP.0034853 -
MP.0034854; V.0017386 - V.0017387**

303. *Giáo trình kỹ thuật súng bộ binh, lựu đạn*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Văn Mai chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 208tr.; 27cm.

T.1
**623.40711 Gi-108T/LCV.0001911 - LCV.0001912; MP.0035204 -
MP.0035205; V.0017528 - V.0017529**

304. *Giáo trình kỹ thuật súng bộ binh, lựu đạn*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Hữu Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018.; 27cm.

T.1. - 208tr
**623.40711 Gi-108T/LCV.0001880 - LCV.0001881; MP.0035196 -
MP.0035197; V.0017522 - V.0017523**

T.2. - 168tr.

623.40711 Gi-108T/MP.0035202 - MP.0035203; V.0017526 - V.0017527

T.3. - 120tr.

623.40711 Gi-108T/MP.0035200 - MP.0035201; V.0017524 - V.0017525

305. *Giáo trình nguy trang vô tuyến*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành tác chiến điện tử/ *Nguyễn Văn Hải chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 229tr.; 27cm.

**623.770711 Gi-108T/LCV.0002129; MP.0034951 - MP.0034952;
V.0017449 - V.0017450**

306. *Giáo trình pháo, cối, ĐKZ; súng máy phòng không*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Chủ biên: Mai Trung Dong, Đỗ Khắc Đáp.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 276tr.; 27cm.

623.410711 Gi-108T/MP.0035228 - MP.0035229; V.0017544 - V.0017545

307. *Giáo trình pháo, cối, ĐKZ; Súng, pháo phòng không*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Trần Đức Điệp chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 348tr.; 27cm.

T.1

**623.40711 Gi-108T/LCV.0002159; MP.0035210 - MP.0035211;
V.0017532 - V.0017533**

T.2. - 160tr.

623.410711 Gi-108T/MP.0034855 - MP.0034856; V.0017392 - V.0017393

308. *Thí nghiệm vật liệu sử dụng trên xe quân sự*: Dùng cho đào tạo học viên, sinh viên/ *Vũ Quốc Bảo chủ biên, Nguyễn Huy Sơn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 127tr.; 27cm.

**623.74 Th300N/LCV.0002149; MP.0034843 - MP.0034844; V.0017342 -
V.0017343**

309. *Thiết kế đạn pháo*/ *Nguyễn Ngọc Chương, Trần Bá Tân, Đỗ Đình Lào.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 614tr.; 27cm.

623.4513 Th308K/LCV.0002208

624 - Kỹ thuật xây dựng dân dụng

310. *Giáo trình thiết kế hệ thống pháo phản lực bắn loạt*: Dùng cho đào tạo cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Thái Dũng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 394tr.; 27cm.

624.0711 Gi-108T/MP.0034848, MP.0034999; V.0017370 - V.0017371

629 - Ngành khác của kỹ thuật

311. *Giáo trình động lực học chuyển động thẳng ô tô*: Dùng cho đào tạo cao học chuyên ngành ô tô/ *Vũ Đức Lập chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 149tr.; 27cm.

629.250711 Gi-108T/M.174151, M.174526; V.0017368 - V.0017369

312. *Giáo trình thiết kế bộ điều khiển số*: Dùng cho đào tạo kỹ sư dân sự và quân sự chuyên ngành kỹ thuật điều khiển và tự động hóa/ *Đỗ Quang Thông chủ biên, Nguyễn Văn Xuân, Đinh Hồng Toàn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 200tr.; 27cm.

**629.80711 Gi-108T/LCV.0002177; M.174454 - M.174455; MP.0034943 -
MP.0034944**

630 - Nông nghiệp

313. *Giáo trình kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi*: Dùng cho đào tạo cán bộ Hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học, chuyên ngành quân nhu/ *Đào Văn Chiến chủ biên, Đỗ Thanh Hải, Mai Bích Liên....* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 318tr.; 27cm.

631.580711

Gi-108T/V.0017354 - V.0017355

650 - Quản lý và dịch vụ văn phòng

314. *Bác Hồ với công việc văn phòng*/ *Nghiêm Kỳ Hồng biên soạn.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 228tr.; 21cm.

651.09597

B101H/M.174901 - M.174902; MP.0035262 - MP.0035263;

VN.0081028 - VN.0081029

315. *Giáo trình quản lý dự án đầu tư xây dựng*: Dùng cho đào tạo kỹ sư các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng/ *Hoàng Thị Khánh Vân chủ biên, Bùi Khắc Năng, Giáp Thị Hồng Ngân.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 234tr.; 27cm.

658.4040711

Gi-108T/LCV.0002128; M.174446 - M.174447 - M.174448;

MP.0034931 - MP.0034932

316. *Giáo trình quản lý giá trong Quân đội*: Dùng cho đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học, chuyên ngành tài chính quân đội/ *Phạm Bình Ngọc chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 127tr.; 27cm.

658.150711

Gi-108T/V.0017362 - V.0017363

317. *Giữ thế thượng phong trên bàn đàm phán*/ *Roger Dawson; Nguyễn Kiều Vân dịch.* - Tái bản lần 5. - H.: Công thương, 2018. - 441tr.; 24cm.

658.4052

Gi-550T/M.174657 - M.174658 - M.174659; MP.0035081 -

MP.0035082

318. *Sản xuất thông minh trong cách mạng công nghiệp 4.0*/ *Hà Minh Hiệp chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 294tr.; 24cm.

658.5

S105X/M.174048 - M.174049 - M.174050; MP.0034797; V.0017329

- V.0017330

670 – Sản xuất

319. *Giáo trình vẽ kỹ thuật cơ khí*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ *Nguyễn Trường Sinh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018; 27cm.

T.1. - 179tr.

671.0711

Gi-108T/LCV.0002146; M.174465 - M.174466 - M.174467;

MP.0034949 - MP.0034950

T.2. - 104tr.

671.0711

Gi-108T/LCV.0002147; M.174449 - M.174450 - M.174451;

MP.0034933 - MP.0034934

700 - NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

320. *Cristiano và Leo: Khổ luyện và thiên tài*: Cuộc đua trở thành cầu thủ vĩ đại nhất/
Jimmy Burns; Trần Minh dịch. - H.: Văn học, 2020. - 383tr.; 24cm.

**796.3340922 Cr313V/M.175192 - M.175193 - M.175194; V.0017609 -
V.0017610**

321. *Vượt qua giới hạn*: Gương mặt thể thao trên Nhân dân hằng tháng. - H.: Văn học,
2020. - 285tr.; 21cm.

796.0922 V563Q/M.175241 - M.175242; MP.0035483 - MP.0035484

800 – VĂN HỌC

808 – Tu từ học và bộ sưu tập văn bản văn học

322. *30 giây ma thuật trong diễn thuyết*/ *Andrii Sedniev; Hoàng Duy dịch.* - Tái bản lần 3.
- H.: Lao động, 2018. - 159tr.; 21cm.

**808.51 B100M/M.174678 - M.174679 - M.174680; MP.0035095 -
MP.0035096**

323. *21 bí mật của những nhà diễn thuyết tài ba nhất lịch sử*/ *James C. Humes; Tuấn
Nguyễn dịch.* - Tái bản lần 7. - H.: Lao động, 2018. - 335tr.; 21cm.

**808.51 H103M/M.174663 - M.174664 - M.174665; MP.0035085 -
MP.0035086**

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

324. *Bố già*/ *Mario Puzo; Ngọc Thứ Lang dịch.* - Tái bản. - H.: Văn học, 2020. - 534tr.;
24cm.

813.54 B450G/M.175195 - M.175196; MP.0035451 - MP.0035452

325. *Những cuộc săn người*/ *Melinda Leigh; Nguyễn Quang Huy dịch.* - H.: Văn học,
2020. - 502tr.; 21cm.. - (Văn học trinh thám)

813.6 Nh556C/M.175264 - M.175265; MP.0035503 - MP.0035504

326. *Thoát thân*/ *Melinda Leigh; Minh Quyên dịch.* - H.: Văn học, 2020. - 485tr.; 21cm.

813.6 Th411T/M.175266 - M.175267; MP.0035505 - MP.0035506

327. *Truyện loài vật*/ *Ernest Thompson Seton; Lê Thùy Dương dịch.* - Tái bản. - H.: Văn
học, 2020. - 575tr.; 21cm.. - (Văn học cổ điển)

813 Tr527L/M.175239 - M.175240; MP.0035481 - MP.0035482

328. *Truyện ngắn*/ *Ernest Hemingway; Lê Huy Bắc chủ biên.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng
hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 604tr.; 24cm.

813.52 Tr527N/M.174859 - M.174860; V.0017576 - V.0017577

329. *Túp lều bác Tôm*/ Harriet Beecher Stowe; Đỗ Đức Hiếu dịch. - H.: Văn học, 2019. - 537tr.; 21cm.

813

T521L/M.175268 - M.175269; MP.0035507 - MP.0035508

820 – Văn học tiếng Anh và tiếng Anh cổ

330. *Đảo giấu vàng*/ Robert Louis Stevenson; Vũ Ngọc Phan dịch. - H.: Văn học, 2019. - 299tr.; 21cm.

823

Đ108G/M.175208 - M.175209; MP.0035461 - MP.0035462

331. *Kẻ hành pháp*: Tiểu thuyết trinh thám/ Edgar Wallace; Phan Linh Lan dịch. - H.: Văn học, 2020. - 419tr.; 21cm.

823.912

K200H/M.175227 - M.175228; MP.0035469 - MP.0035470

332. *Ngựa ô yêu dấu*/ Anna Sewell; Thanh Vân dịch. - Tái bản. - H.: Văn học, 2020. - 291tr.; 21cm.. - (Văn học cổ điển)

823.8

Ng551Ô/M.175210 - M.175211; MP.0035463 - MP.0035464

840 – Văn học tiếng Pháp và ngôn ngữ Rôman

333. *Ba người lính ngự lâm*/ Alexandre Dumas; Ng.dịch: Anh Vũ, Trần Việt. - Tái bản. - H.: Văn học, 2020. - 839tr.; 24cm.. - (Văn học cổ điển)

843.7

B100N/M.175199 - M.175200; MP.0035455 - MP.0035456

334. *Bá tước Monte Gristo*/ Alexandre Dumas; Mai Thế Sang dịch. - H.: Văn học, 2020. - 657tr.; 24cm.. - (Văn học cổ điển)

843.7

B100T/M.175197 - M.175198; MP.0035453 - MP.0035454

335. *Không gia đình*/ Hector Malot; Huỳnh Lý dịch. - H.: Văn học, 2019. - 756tr.; 21cm.

843

Kh455G/M.175245 - M.175246; MP.0035487 - MP.0035488

850 – Văn học tiếng Italy

336. *Những tấm lòng cao cả*/ Admondo De Amicis; Hoàng Thiệu Sơn dịch. - Tái bản. - H.: Văn học, 2020. - 331tr.; 21cm.. - (Văn học cổ điển)

853

Nh556T/M.175292 - M.175293; MP.0035531 - MP.0035532

890 – Văn học ngôn ngữ

891 – Văn học ngôn ngữ Đông Ấn-Âu và Cetic

337. *Con bìm trắng tai đen*/ Gavril Troyepolsky; Ng.dịch: Tuân Nguyễn, Trần Thu. - H.: Văn học, 2020. - 285tr.; 21cm.. - (Văn học cổ điển)

891.734

C429B/M.175212 - M.175213; MP.0035465 - MP.0035466

895 – Văn học Đông Á và Đông Nam Á

338. *Ba người trở lại làng tâm*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Thái Sơn*. - H.: Văn học, 2020. - 196tr.; 21cm.

895.92234

B100N/M.175274 - M.175275; MP.0035513 - MP.0035514

339. *Bão lòng/ Lê Anh Đạt*. - H.: Văn học, 2019. - 195tr.; 19cm.

895.9228408

B108L/M.175296 - M.175297; MP.0035535 - MP.0035536

340. *Bếp lửa ngày cuối năm*: Tản văn/ *Nguyễn Văn Học*. - H.: Văn học, 2020. - 171tr.; 21cm.

895.9228408

B257L/M.174936 - M.174937; MP.0035282 - MP.0035283

341. *Biên cương nơi anh ngã xuống*. - H.: Thanh niên, 2020. - 298tr.; 21cm.

895.9228403

B305C/M.174946 - M.174947; MP.0035292 - MP.0035293

342. *Chân dung người mê sách*: Chuyện đời, chuyện nghề trên Nhân dân hàng tháng/ *Phạm Ngọc Tiến*. - H.: Văn học, 2020. - 147tr.; 21cm.

895.92209

Ch121D/M.175270 - M.175271; MP.0035509 - MP.0035510

343. *Chín cơn mưa và mẹ*: Trường ca/ *Nguyễn Hữu Quý*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 115tr.; 19cm.

895.92214

Ch311C/LC.0015128

344. *Chín cơn mưa và mẹ*: Trường ca/ *Nguyễn Hữu Quý*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 116tr.; 19cm.

895.92214

Ch311C/M.175502 - M.175503 - M.175504; MP.0035694 - MP.0035695

345. *Chớp bể mưa nguồn*: Tản văn/ *Bích Thiêm*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 199tr.; 21cm.

895.9228408

Ch466B/M.174921 - M.174922 - M.174923; MP.0035273

346. *Chúng tôi - Một thời mũ rơm mũ cối*/ Huỳnh Dũng Nhân. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 323tr.; 21cm.

895.92283403

Ch513T/M.174885 - M.174886; MP.0035256 - MP.0035257; VN.0081022 - VN.0081023

347. *Chuyện tình người lính Trường Sơn*. - H.: Thanh niên, 2020. - 294tr.; 21cm.

895.92234

Ch527T/M.174930 - M.174931; MP.0035276 - MP.0035277

348. *Chuyện tôi*: Hồi ức của con trai nhà văn Nguyễn Huy Tưởng/ *Nguyễn Huy Thắng*. - H.: Văn học, 2020. - 219tr.; 23cm.

895.922334

Ch527T/M.175201 - M.175202 - M.175203

349. *Con chim nhỏ gặp cọng rom vàng*: Tập truyện ngắn/ *Trần Huyền Trang*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 229tr.; 21cm.

895.92234

C429C/M.174916 - M.174917 - M.174918; MP.0035270

350. *Con chim oanh vũ của tôi*: Truyện và ký/ *Hồ Sỹ Hậu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 152tr.; 19cm.

895.92234

C429C/LC.0015126

351. *Cơ hội đổi đời*: Tuyển tập tiểu phẩm hài/ *Minh Phong*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 323tr.; 21cm.

895.92274

C460H/M.174893 - M.174894 - M.174895; MP.0035260

352. *Cờ thắm giữa biển xanh*: Ghi chép/ *Nguyễn Viết Tôn*. - H.: Văn học, 2020. - 175tr.; 23cm.

895.9228403

C460T/M.175261 - M.175262 - M.175263; V.0017615 -

V.0017616

353. *Cuối trời lửa đạn*: Tập truyện ngắn/ *Phùng Phương Quý*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 155tr.; 19cm.

895.92234

C515T/LC.0015125; M.175618 - M.175619; MP.0035799 -

MP.0035800

354. *Cười từ nước mắt của cây*: Tập bút/ *Trần Minh Hợp*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 248tr.; 20cm.

895.9228408

C558T/M.174911 - M.174912 - M.174913; MP.0035266 -

MP.0035267

355. *Dạ lữ nhân*: Tiểu thuyết/ *Triệu Hi Chi; Thu Trần dịch*. - H.: Văn học, 2020. - 401tr.; 21cm.

T.1

895.136

D100L/M.175219 - M.175220 - M.175221

356. *Đàn bà xấu là thất bại của thời đại*: *Hồ Viết Thịnh*. - H.: Thanh niên, 2020. - 161tr.; 21cm.

895.92234

Đ105B/M.175031 - M.175032; MP.0035346 - MP.0035347

357. *Đảo xa*. - H.: Thanh niên, 2020. - 298tr.; 21cm.

895.92234

Đ108X/M.174948 - M.174949; MP.0035294 - MP.0035295

358. *Đảo xa*: Tiểu thuyết/ *Anh Chi*. - H.: Hồng Đức, 2019. - 116tr.; 19cm.

895.92234

Đ108X/M.174966 - M.174967; MP.0035309 - MP.0035310

359. *Đoàn tàu xanh*: Tập truyện ngắn. - H.: Lao động, 2020. - 186tr.; 21cm.

895.92234

Đ406T/M.174958 - M.174959; MP.0035304 - MP.0035305

- 360. *Gia đình tình báo có bốn bà mẹ Việt Nam anh hùng*:** Truyện ký/ *Mã Thiện Đồng*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 256tr.; 21cm.
895.9228403 Gi-100Đ/M.174903 - M.174904 - M.174905; MP.0035264; VN.0081030 - VN.0081031
- 361. *Gió ngừng thổi, tình còn vương*:** Tiểu thuyết. - H.: Văn học, 2019. - 303tr.; 21cm.
895.136 Gi-400N/M.175286 - M.175287; MP.0035525 - MP.0035526
- 362. *Hành trình đến với Hàn Mạc Tử/ Dzũ Kha biên soạn*.** - Tái bản lần thứ 19 có sửa chữa và bổ sung. - H.: Văn học, 2020. - 231tr.; 21cm.
895.922132 H107T/M.175243 - M.175244; MP.0035485 - MP.0035486
- 363. *Hoa bách hợp trên đỉnh núi*:** Tập truyện/ *Thu Phương biên soạn*. - H.: Dân trí, 2020. - 218tr.; 21cm.
895.92234/M.174956 - M.174957; MP.0035302 - MP.0035303
- 364. *Hồ ly biết yêu*:** Tiểu thuyết/ *Diệp Lạc Vô Tâm; Thu Ngân dịch*. - H.: Văn học, 2019. - 475tr.; 21cm.
895.136 H450L/M.175284 - M.175285; MP.0035523 - MP.0035524
- 365. *Hơn cả tình yêu/ Bùi Vinh biên soạn*.** - H.: Dân trí, 2020. - 202tr.; 21cm.
895.9228403/M.174952 - M.174953; MP.0035298 - MP.0035299
- 366. *Hun hút đường quê*:** Tập truyện ngắn/ *Nông Quang Khiêm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 160tr.; 19cm.
895.92234 H512H/M.175490 - M.175491 - M.175492; MP.0035690 - MP.0035691
- 367. *Kết hôn tuổi 25/ Thu Thủy*.** - H.: Văn học, 2020. - 241tr.; 21cm.
895.92234 K258H/M.175276 - M.175277; MP.0035515 - MP.0035516
- 368. *Ký ức chiến trường*:** Bút ký/ *Minh Chuyên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm. - (Sách kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30.4.1975 - 30.4.2020))
 Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng
895.9223403/LC.0015112
- 369. *Lời Bác dạy một đời ghi nhớ*:** Ký chân dung/ *Vương Tâm*. - H.: Văn học, 2020. - 191tr.; 21cm.
895.9228403 L462B/M.174950 - M.174951; MP.0035296 - MP.0035297
- 370. *Lướt qua cơn mộng/ Chu Việt Nga*.** - H.: Văn học, 2020. - 211tr.; 21cm.
895.92234 L563Q/M.175272 - M.175273; MP.0035511 - MP.0035512

- 371. *Lý lẽ của trái tim*:** Bình luận và chân dung/ *Cao Ngọc Thắng*. - H.: Văn học, 2020. - 234tr.; 21cm.
895.92209 L600L/M.175257 - M.175258; MP.0035499 - MP.0035500
- 372. *Mái nhà lính thợ*.** - H.: Lao động, 2020. - 175tr.; 21cm.
895.92234 M103N/M.174940 - M.174941; MP.0035286 - MP.0035287
- 373. *Mỗi ngày ta sống*:** Tản văn, tùy bút/ *Nguyễn Thị Hậu*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 347tr.; 21cm.
895.9228408 M452N/M.174898 - M.174899 - M.174900; MP.0035261
- 374. *Mưa bình nguyên*:** Tập truyện ngắn/ *Trần Bảo Định*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 309tr.; 20cm.
895.92234 M551B/M.174908 - M.174909 - M.174910; MP.0035265
- 375. *Mưa ngâu*:** Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Thu Hằng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 192tr.; 19cm.
895.92234 M551N/M.175505 - M.175506 - M.175507; MP.0035696 - MP.0035697
- 376. *Mưa ngâu*:** Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Thu Hằng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 191tr.; 19cm.
895.92234 M551N/LC.0015124
- 377. *12 năm ấy*:** Tuyển tập thơ Haiku. - H.: Văn học, 2019. - 219tr.; 21cm.
895.9221408 M558H/M.175233 - M.175234; MP.0035475 - MP.0035476
- 378. *Nam Đế vạn xuân*:** Tiểu thuyết lịch sử/ *Phùng Văn Khai*. - H.: Văn học, 2020. - 488tr.; 21cm.
895.92234 N104Đ/M.175225 - M.175226; VN.0081088 - VN.0081089
- 379. *Nguyễn Hiến Lê - Những lời tựa và bài giới thiệu sách*.** - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 447tr.; 21cm.
895.92283409 Ng527H/M.174881 - M.174882; VN.0081018 - VN.0081019
- 380. *Ngược dòng quá khứ*:** Tiểu thuyết/ *Trần Thị Mộng Dân*. - H.: Hồng Đức, 2019. - 273tr.; 19cm.
895.92234 Ng557D/M.174968 - M.174969; MP.0035311 - MP.0035312
- 381. *Người đàn ông của dòng sông*.** - H.: Văn học, 2020. - 151tr.; 21cm.
895.92234 Ng558Đ/M.175290 - M.175291; MP.0035529 - MP.0035530
- 382. *Người độc thân vui tính*:** Truyện ngắn/ *Vương Tâm*. - H.: Văn học, 2020. - 186tr.; 21cm.
895.92234 Ng558Đ/M.174932 - M.174933; MP.0035278 - MP.0035279

383. *Người từ chối vinh quang*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Ngọc Mộc*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 223tr.; 21cm.. - (45 năm 30/4/1975 - 30/4/2020)

895.922334 Ng558T/M.175553 - M.175554 - M.175555; VN.0081170 - VN.0081171

384. *Nhẹ bước lãng du*/ *Nguyễn Chấn Hùng*. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 463tr.; 24cm.

895.9228403 Nh200B/M.174864 - M.174865 - M.174866; MP.0035251

385. *Nhựa sống*: Tản văn/ *Bùi Việt Phương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 151tr.; 19cm.

895.92234 Nh551S/LC.0015122

386. *Những áng văn xuôi quốc ngữ đầu tiên*: Chuyện đời xưa, Chuyện khôi hài, Chuyện giải buồn, Truyện Phansa diễn ra quốc ngữ/ *Trương Vĩnh Kỳ, Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Kỳ*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 407tr.; 23cm.

895.922301 Nh556A/M.174876 - M.174877; V.0017580 - V.0017581

387. *Những cung bậc thời gian*: Truyện ký/ *Lê Thanh Định*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 160tr.; 21cm.

895.9228403 Nh556C/M.175493 - M.175494 - M.175495; MP.0035692 - MP.0035693

388. *Những miền linh dị*/ *Dương Hành Triệt; Thúy Hương dịch*. - H.: Văn học, 2020; 21cm.

T.1: Thái Lan. - 398tr.

895.136 Nh556M/M.175278 - M.175279; MP.0035517 - MP.0035518

T.2 : Nhật Bản. - 403tr.

895.136 Nh556M/M.175280 - M.175281; MP.0035519 - MP.0035520

T.3: Ấn Độ. - 443tr.

895.136 Nh556M/M.175282 - M.175283; MP.0035521 - MP.0035522

389. *Những người thâm lặng*/ *Angie Chau; Ng.dịch: Hải Thanh, Viêt Hồ*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 287tr.; 21cm.

895.92234 Nh556N/M.174924 - M.174925 - M.174926; MP.0035274

390. *Những trang văn màu lính*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020; 21cm.

T.1. - 275tr.

895.9223010804 Nh556T/LC.0015115

T.2. - 274tr.

895.9223010804 Nh556T/LC.0015114; M.175604 - M.175605; MP.0035789; VN.0081272 - VN.0081273

- 391. *Những triền sông đầy gió*:** Tản văn/ *Huỳnh Thúy Kiều*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 170tr.; 19cm.
895.92234 Nh556T/LC.0015123
- 392. *Phăng đở*:** Truyện vừa/ *Bùi Thu Hằng*. - H.: Văn học, 2020. - 150tr.; 21cm.
895.92234 Ph116Đ/M.174934 - M.174935; MP.0035280 - MP.0035281
- 393. *Phục thù*:** Tiểu thuyết trinh thám/ *Hồ Diên Vân; Từ Huỳnh dịch*. - H.: Văn học, 2020; 21cm.
T.1. - 297tr.
895.136 Ph506T/M.175231 - M.175232; MP.0035473 - MP.0035474

T.2. - 326tr.
895.136 Ph506T/M.175229 - M.175230; MP.0035471 - MP.0035472
- 394. *Quà cho con: 100 bài thơ - 100 kỹ năng sống*:** *Nguyễn Huy Hoàng*. - H.: Văn học, 2019. - 143tr.; 20cm.
895.9221 Qu100C/M.175204 - M.175205; MP.0035457 - MP.0035458
- 395. *Quà tặng mùa xuân*:** Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Duy Liễm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 206tr.; 19cm.
895.92234 Qu100T/LC.0015129
- 396. *Quà tặng mùa xuân*:** Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Duy Liễm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 208tr.; 19cm.
895.92234 Qu100T/M.175508 - M.175509 - M.175510; MP.0035698 - MP.0035699
- 397. *Sắc màu thương nhớ*:** Thơ/ *Nguyễn Bá Dương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 208tr.; 19cm.
895.92214 S113M/LC.0015127; M.175614 - M.175615; MP.0035795 - MP.0035796
- 398. *Sông nước biên thù*:** Bút ký/ *Đoàn Đại Trí*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 222tr.; 21cm.
895.9228403 S455N/M.174914 - M.174915; MP.0035268 - MP.0035269
- 399. *Sự thịnh lặng*:** Tiểu thuyết trinh thám/ *Park Young-Doo; Lê Bảo Quỳnh Thơ dịch*. - H.: Văn học, 2019. - 247tr.; 21cm.
895.735 S550T/M.175255 - M.175256; MP.0035497 - MP.0035498
- 400. *Ta thấy nhau trong tiềm thức*:** Truyện dài/ *Đặng Tố Nga*. - H.: Văn học, 2020. - 274tr.; 20cm.
895.92234 T100T/M.175294 - M.175295; MP.0035533 - MP.0035534

401. *Thời không thể quên*: Ký ức/ *Hồ Anh Thắng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 188tr.; 21cm.

895.9228403 Th462K/M.175487 - M.175488 - M.175489; MP.0035688 - MP.0035689

402. *Tiếng rừng*: Tập truyện ngắn/ *Phùng Văn Khai*. - H.: Lao động, 2020. - 186tr.; 21cm.

895.92234 T306R/M.174954 - M.174955; MP.0035300 - MP.0035301

403. *Tình sử Hanu*/ *Ruby Mac*. - H.: Văn học, 2020. - 251tr.; 24cm.

895.92234 T312S/M.175259 - M.175260; MP.0035501 - MP.0035502

404. *Toàn Việt thi lục*/ *Lê Quý Đôn*. - H.: Văn học, 2019. - 570tr.; 24cm.

T.2

895.92211 T406V/V.0017611 - V.0017612

405. *Trước mùa mưa bão*: Truyện vừa/ *Trần Nhuận Minh*. - H.: Văn học, 2020. - 129tr.; 21cm.

895.922334 Tr557M/M.175237 - M.175238; MP.0035479 - MP.0035480

406. *Văn học viết về đề tài lực lượng vũ trang - chiến tranh cách mạng và Bộ đội Cụ Hồ trong thời kỳ mới: Vai trò, chức năng của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân*: Tọa đàm. - 2018; H.: Quân đội nhân dân. - 134tr.; 30cm.

895.922 V115H/T.0024307

407. *Vòng luân hồi trần thế*: Tập truyện ngắn/ *Trần Quang Vinh*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 150tr.; 21cm.

895.92234 V431L/M.174919 - M.174920; MP.0035271 - MP.0035272

900 – LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

408. *Đại cương lịch sử thế giới hiện đại (từ năm 1945-1991)*/ *Lê Trung Dũng*. - 2015; H.: Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. - 429tr.; 30cm.

900 Đ103C/T.0024198

909 – Lịch sử thế giới

409. *Dân tộc được chúa chọn*: Giáo dục định hình nên lịch sử Do Thái như thế nào (70 - 1492)?/ *Maristella Botticini, Zvi Eckstein; Đặng Việt Vinh dịch*. - Tái bản lần 3. - H.: Văn hóa dân tộc, 2018. - 494tr.; 21cm.

909.04924 D121T/M.174654 - M.174655 - M.174656; MP.0035080; V.0017488 - V.0017489

410. *Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660 - 1783*/ *Alfred Thayer Mahan; Phạm Nguyên Trường dịch*. - Tái bản lần 4. - H.: Tri thức, 2018. - 657tr.; 24cm.

**909.6 A107H/M.174586 - M.174587 - M.174588; MP.0035048; V.0017480
- V.0017481**

910 – Địa lý và du hành

411. *Himalaya - Hành trình chạm đến trán trời/ Mai Lan.* - H.: Thế giới, 2020. - 177tr.; 21cm.

915.49604 H310H/M.175035 - M.175036; MP.0035350 - MP.0035351

412. *Khơi lửa sông Nile: Hành trình Voluntral ở Ai Cập/ Nhi Phan.* - H.: Thế giới, 2020. - 237tr.; 21cm.

916.204 Kh462L/M.175033 - M.175034; MP.0035348 - MP.0035349

413. *Trái tim hổ/ Katrell Christie, Shannon McCafrey; Đoàn Trang dịch.* - H.: Lao động, 2018. - 283tr.; 21cm.

**915.404 Tr103T/M.174669 - M.174670 - M.174671; MP.0035089 -
MP.0035090**

920 – Tiểu sử

414. *Các bậc vĩ nhân trong lịch sử Việt Nam.* - H.: Hồng Đức, 2019. - 211tr.; 21cm.. - (Việt Nam đất nước - con người)

920.09597 C101B/M.175037

415. *Những bậc hiền nhân trong lịch sử Việt Nam.* - H.: Hồng Đức, 2019. - 207tr.; 21cm.. - (Việt Nam đất nước - con người)

920.09597 Nh556B/M.175038

416. *Những tâm gương sáng/ Quốc Toàn biên soạn.* - H.: Lao động, 2018. - 227tr.; 21cm.

**920.02 Nh556T/M.174594 - M.174595 - M.174596; MP.0035049 -
MP.0035050**

950 – Lịch sử châu Á

417. *Bàn về Trung Quốc trỗi dậy: Sách tham khảo/ Lê Vĩnh Trương.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 487tr.; 24cm.

**951.06 Ng527C/M.174861 - M.174862 - M.174863; MP.0035250;
V.0017578 - V.0017579**

418. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đại tướng Nguyễn Chí Thanh: Kỷ yếu tọa đàm khoa học.* - 2017; H.: Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. - 181tr.; 30cm.

959.704092 Ch500T/T.0024305

419. *Dấu ấn chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.* - H.: Hồng Đức, 2019. - 399tr.; 27cm.

**959.7041 D125Â/M.174645 - M.174646 - M.174647; MP.0035074 -
MP.0035075; V.0017482 - V.0017483**

420. Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cách mạng Việt Nam. - H.: Hồng Đức, 2019. - 391tr.; 27cm.

959.704092 Đ103T/M.174648 - M.174649 - M.174650; MP.0035076 - MP.0035077; V.0017484 - V.0017485

421. Đại vương Đào Quang Nhiêu/ Đào Ngọc Du biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2018. - 187tr.; 24cm.

959.7092 Đ103V/V.0017486 - V.0017487

422. Đề Thám (1846 - 1913) - Một nghĩa sĩ Việt Nam chống lại chế độ thuộc địa Pháp/ Claude Gendre; Phạm Thị Thủy Triều, Dương Thị Thủy dịch. - H.: Hà Nội, 2020. - 355tr.; 21cm.. - (Góc nhìn sử Việt)

959.703092 Đ250T/M.175028 - M.175029 - M.175030; MP.0035345; VN.0081052 - VN.0081053

423. Hoàng Thị Thế - Con gái Đề Thám và quân bài chính trị của thực dân Pháp/ Claude Gendre; Thanh Thư dịch. - H.: Hà Nội, 2020. - 169tr.; 21cm.

959.703 H407T/M.175025 - M.175026 - M.175027; MP.0035344; VN.0081050 - VN.0081051

424. Kí ức trời đêm: Truyện ngắn/ Nguyễn Công Huy. - H.: Hồng Đức, 2019. - 251tr.; 19cm.

959.7043 K300U/M.174970 - M.174971; MP.0035313 - MP.0035314

425. Ký ức một thời với Tây Nguyên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 399tr.; 21cm.. - (Sách kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30.4.1975 - 30.4.2020))

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

P.2

959.7043 K600U/LC.0015113; M.175558 - M.175559; MP.0035754; VN.0081234 - VN.0081235

426. Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802/ Tạ Chí Đại Trùng. - H.: Tri thức, 2017. - 477tr.; 21cm.

959.7028 L302S/VN.0081017

427. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. - H.: Chính trị quốc gia sự thật, 2018.; 30cm.

Q.1. - 519tr.

959.7043322 M118T/M.174041 - M.174042; V.0016773 - V.0016774

Q.2. - 559tr.

959.7043322 M118T/M.174039 - M.174040; V.0016771 - V.0016772

Q.3. - 783tr.

959.7043322

M118T/M.174037 - M.174038; V.0016769 - V.0016770

428. *Mộ cổ Nam Bộ/ Phạm Đức Mạnh.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 735tr.; 24cm.

959.77

M450C/M.174857 - M.174858; V.0017574 - V.0017575

429. *Một số trận đánh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)/ Lê Văn Thanh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 198tr.; 21cm.. - (Sách kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30.4.1975 - 30.4.2020)

T.1: Trận đánh cấp đại đội, tiểu đoàn bộ binh (1954 - 1971)

959.7043

M458S/LC.0015111; M.175600 - M.175601; MP.0035787;

VN.0081268 - VN.0081269

430. *Một số vấn đề chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở biên giới Tây Nam:* Hội thảo khoa học. - 2018; H.: Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn. - 511tr.; 30cm.

959.7044

M458S/T.0024312

431. *Nam Kỳ viễn chinh ký 1861:* Sách tham khảo/ *Leopold Pallu; Thanh Thư dịch.* - H.: Hồng Đức, 2018. - 306tr.; 23cm.

959.7028

N104K/M.174660 - M.174661 - M.174662; MP.0035083 -

MP.0035084; V.0017490 - V.0017491

432. *Năng động Hồ Chí Minh/ Thép Mới.* - Xuất bản lần thứ hai. - H.: Chính trị quốc gia sự thật, 2020. - 216tr.; 21cm.

959.704092

N116Đ/M.175358 - M.175359 - M.175360; VN.0081141 -

VN.0081142

433. *Nguyễn Sinh Huy - Chân dung một nhà nho/ Nguyễn Hữu Hiếu biên khảo.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 333tr.; 21cm.

959.703092

Ng527S/M.174883 - M.174884; VN.0081020 - VN.0081021

434. *Nguyễn Thị Tây Sơn ký/ Khuyết Danh; Nguyễn Duy Chính dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 204tr.; 21cm.

959.7028

Ng527T/M.174887 - M.174888 - M.174889; MP.0035258;

VN.0081024 - VN.0081025

435. *Những con người sống mãi với non sông.* - H.: Dân trí, 2020. - 207tr.; 21cm.

T.4 : Những anh hùng liệt sĩ lực lượng vũ trang trong kháng chiến chống Mỹ

959.70433

Nh556C/M.174942 - M.174943; MP.0035288 - MP.0035289

436. *Nông thôn đồng bằng Bắc Bộ (Từ năm 1884 đến năm 1945)/ Nguyễn Ngọc Mão.* - 2015; H.: Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. - 350tr.; 30cm.

959.703

N455T/T.0024199

437. *Quan hệ giữa vương quốc cổ Champa với thế giới hải đảo Đông Nam Á (thế kỷ 9-*

15)/ Đỗ Trường Giang. - 2016; H.: Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. - 47tr.; 30cm.

959

Qu105H/T.0024201

438. Theo dấu chân Người đi khắp Năm châu. - H.: Dân trí, 2020. - 203tr.; 19cm.. - (50 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019))

959.704092

Th205D/M.174962 - M.174963; MP.0035307; VN.0081036 -

VN.0081037

439. Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 938 đến năm 1884)/ Nguyễn Minh Tường. - 2014; H.: Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. - 134tr.; 30cm.

959.702

T450C/T.0024192

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Luật Thư viện các kỹ năng hướng dẫn nghiệp vụ thư viện/ Vũ Tươi.-H.: Lao động, 2020. -391tr.; 28cm.

V.0017582

Sau hơn 18 năm thi hành, Pháp lệnh Thư viện năm 2000 đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế. Vì thế, Luật Thư viện số 46/2019/QH14 được Quốc hội chính thức thông qua vào ngày 21/11/2019. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2020.

Cuốn sách giới thiệu toàn văn Luật Thư viện 2019, một số tiêu chuẩn, quy định, điều lệ liên quan đến hoạt động thư viện cũng như kỹ năng và nghiệp vụ cán bộ thư viện cần biết nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về thư viện, cũng như nâng cao chất lượng công tác nghiệp vụ thư viện cho cán bộ thư viện. Bố cục cuốn sách gồm:

Phần thứ nhất: Luật Thư viện 2019

Phần thứ hai: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam về Bộ chỉ số đánh giá hoạt động thư viện

Phần thứ ba: Kỹ năng và nghiệp vụ cán bộ thư viện cần biết

Phần thứ tư: Điều lệ Hội Thư viện Việt Nam (sửa đổi, bổ sung) và Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Phần thứ năm: Tiêu chuẩn, quy chế mẫu thư viện trường đại học, phổ thông, thư viện công cộng

Phần thứ sáu: Quy định về điều kiện thành lập, thủ tục đăng ký, tổ chức hoạt động, thu, nộp sử dụng phí thư viện

Phần thứ bảy: Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thư viện

2. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam/ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.- H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2018.- 29 cm.

Bộ sách bao gồm một số bài viết của các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo Mặt trận, hội ký của các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức miền Nam, các nhân chứng lịch sử...về ba tổ chức này. Bộ sách được đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh viết lời giới thiệu, đồng chí Phan Văn Khải, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ viết phần mở đầu, đồng chí Lê Thanh Hải, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Thành Ủy Thành phố Hồ Chí Minh viết phần tổng luận. Nội dung bộ sách gồm ba phần:

Phần thứ nhất: Từ Mặt trận Dân tộc giải phóng đến Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Phần thứ hai: Hoạt động của Mặt trận, Liên minh, Chính phủ Cách mạng lâm thời trên các chiến trường và trong lĩnh vực đối ngoại.

Phần thứ ba: Niên biểu hoạt động của Mặt trận, Liên minh, Chính phủ Cách mạng lâm thời và một số văn kiện, hình ảnh tư liệu lịch sử.

Bộ sách với hơn 1.800 trang, được chia thành 03 quyển:

Quyển 1: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. - 519 tr.

V.0016774

Giới thiệu toàn bộ Phần thứ nhất gồm tuyên bố, điện, thư, lời kêu gọi, chúc mừng, bài nói chuyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và một số bài viết của các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận về Mặt trận, Liên minh, Chính phủ Cách mạng lâm thời và mục I của Phần thứ hai: Hoạt động của Mặt trận, Liên minh và Chính phủ Cách mạng lâm thời ở chiến khu Bắc Tây Ninh và trên chiến trường miền Đông Nam Bộ của bộ sách.

Quyển 2: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. - 559 tr.

V.0016772

Gồm mục II: Hoạt động của Mặt trận, Liên minh và Chính phủ Cách mạng lâm thời trên chiến trường miền Trung và miền Tây Nam Bộ và mục III: Hoạt động của Mặt trận, Liên minh và Chính phủ Cách mạng lâm thời trên chiến trường khu Sài Gòn - Gia Định trong Phần thứ hai của bộ sách.

Quyển 3: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. - 783tr.

V.0016770

Bao gồm mục IV: Hoạt động của Mặt trận, Liên minh và Chính phủ Cách mạng lâm thời trên chiến trường Khu 5 và Tây Nguyên và mục V Hoạt động của Mặt trận, Liên minh và Chính phủ Cách mạng lâm thời trên lĩnh vực đối ngoại trong Phần thứ hai và toàn bộ Phần thứ ba: Niên biểu các sự kiện tiêu biểu và một số văn kiện, hình ảnh tư liệu lịch sử về hoạt động của Mặt trận, Liên minh, Chính phủ Cách mạng lâm thời của bộ sách.

3. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.-H.: Quân đội nhân dân.- 21cm.

Từ năm 1996 đến năm 2005, Cục Chính sách và Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã phối hợp xuất bản 10 tập sách “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, giới thiệu các tập thể, cá nhân Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân được tuyên dương từ năm 1967 đến năm 2005.

Nhằm tiếp tục cung cấp cho bạn đọc có thêm tư liệu cho việc tra cứu, tuyên truyền, giáo dục truyền thống của quân và dân ta trong hai cuộc kháng chiến, Cục Tuyên huấn phối hợp với Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tổ chức biên soạn và xuất bản các tập tiếp theo của bộ sách (tập 11, 12, 13 xuất bản năm 2018) (tập 14 xuất bản năm 2019), tiếp tục giới thiệu về những tấm gương tập thể và cá nhân đã anh dũng chiến đấu, hy sinh quên mình lập nên những thành tích đặc biệt xuất sắc trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ ở thế kỷ XX.

Tập 14: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.-H.: Quân đội nhân dân.- 2019.- 482 tr.; 21 cm.

VN.0081174

Giới thiệu 231 tấm gương tập thể và cá nhân đã anh dũng chiến đấu, hy sinh quên mình lập nên những thành tích xuất sắc trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ của dân tộc. Tập sách được sắp xếp theo thời gian Quyết định tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và theo tiêu chí tập thể trước, cá nhân sau, theo hai thời kỳ: Kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Cùng với các lần xuất bản trước, tập sách góp phần giáo dục bản chất, truyền thống cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân; đặc biệt là thế hệ trẻ học tập, noi gương, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI - 83 LÝ NAM ĐẾ - HÀ NỘI

Điện thoại: 069.554546

● **GIỜ MỞ CỬA:**

- **Sáng:** 7h30 – 11h30
- **Chiều:** 13h00 – 16h30
- **Nghỉ:** Chủ nhật, ngày lễ

● **PHỤC VỤ:**

- Đọc, mượn, sao chụp, quét tài liệu, trả lời yêu cầu bạn đọc.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm: *Thư mục thông báo tài liệu mới, Thư mục chuyên đề, Tài liệu phục vụ nghiên cứu, Thư mục giới thiệu sách cấp phát trong quân đội.*

- Cung cấp sách cho các đơn vị trong toàn quân.

● **ĐỐI TƯỢNG:**

- **Đọc:** Rộng rãi.
- **Mượn:** Cán bộ quân đội công tác tại Hà Nội.
Cán bộ cấp tá nghỉ hưu tại Hà Nội.